

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5 – VINACONEX 5



VINACONEX 5

*(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2603000225 Sở Kế hoạch và Đầu tư
tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2004, thay đổi lần 4 ngày 18 tháng 10 năm 2007)*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

*(Đăng ký Niêm yết số: /GCN-TTGDHN do Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
cấp ngày tháng 12 năm 2007)*

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG (KLS)

Trụ sở: số 22 Thành Công, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 772 6868 Fax: (84.4) 772 6136

Website: www.kls.vn

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / / 2007 tại:

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 – Vinaconex 5

Số 203 – Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long - KLS (www.kls.vn)

số 22 Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.373) 824 876

Fax: (84.0373) 824 211

Điện thoại: (84.4) 7726868

Fax: (84..4) 7726136

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: **Lê Thị Thê**

Số điện thoại: (84.4) 7849 731

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Fax: (84.4) 7848 937

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. CÁC NHÂN TỔ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về cơ chế chính sách và pháp luật	7
3. Rủi ro đặc thù ngành Xây dựng	7
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết	7
5. Rủi ro khác.....	8
II. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung bản cáo bạch.....	9
1. Tổ chức Niêm yết.....	9
2. Tổ chức Tư vấn.....	9
III. Các khái niệm	10
IV. Tình hình đặc điểm của tổ chức niêm yết	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Một số thông tin cơ bản về Công ty	13
3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	16
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; cơ cấu cổ đông:.....	23
4.1. Danh sách nắm giữ từ trên 5% vốn Cổ phần của Công ty	23
4.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 06/11/2007	24
5. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, những Công ty mà Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.....	24
5.1. Công ty mẹ: 01 Công ty	24
5.2. Công ty con và Công ty liên kết.....	24
6. Hoạt động kinh doanh	25
6.1 Sản phẩm, dịch vụ	25
6.2 Nguyên vật liệu	30
6.3 Chi phí sản xuất.....	32

6.4	Trình độ công nghệ	34
6.5	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ	
6.6	Hoạt động Marketing	47
6.7	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	48
6.8	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	49
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	53
7.1	Kết quả hoạt động kinh doanh	53
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinaconex 5 trong những năm qua:	56
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	57
9.	Chính sách đối với người lao động	
9.1.	Số lượng người lao động trong Công ty	
9.2.	Chính sách đào tạo	61
10.	Chính sách lương thưởng, trợ cấp	61
11.	Chính sách cổ tức	62
12.	Tình hình hoạt động tài chính	62
12.1	Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản	62
12.2	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty trong hai năm 2005 và 2006:	67
13.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	73
13.1.	Hội đồng quản trị	73
13.2.	Ban Giám đốc	80
14.	Tài sản	
15.	Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong thời gian tới	87
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	90
17.	Thông tin liên quan về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:	91
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:	91
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	91

1.	Loại cổ phiếu:.....	91
2.	Mệnh giá:	91
3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết:	91
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của công ty:.....	91
5.	Phương pháp tính giá: Giá trị sổ sách.....	92
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	93
7.	Các loại thuế có liên quan	93
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	94
1.	Tổ chức tư vấn.....	94
2.	Tổ chức kiểm toán.....	94
VII.	PHỤ LỤC	95
Phụ lục 1.	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh;.....	95
Phụ lục 2.	Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 – Vinaconex 5;.....	95
Phụ lục 3.	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006 và Quyết toán chín tháng năm 2007;.....	95
Phụ lục 4.	Biên bản kiểm toán vốn;.....	95
Phụ lục 5.	Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị, ban Giám đốc, ban Kiểm soát, Kế toán trưởng của Công ty;.....	95
Phụ lục 6.	Danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5.	95
Phụ lục 7.	Các tài liệu khác	94

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2004, thay đổi lần 4 ngày 18 tháng 10 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết (theo mệnh giá): 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Trụ sở: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - số 165, đường Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 267 04 91 **Fax:** (84.4) 267 04 94

Email: vac_co@viettel.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS)

Trụ sở: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 7726868 **Fax:** (84.4) 7726136

Website: www.kls.vn

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Sự phát triển của ngành xây dựng nói chung luôn gắn chặt với sự phát triển của nền kinh tế. Việt Nam hiện đang trong giai đoạn tăng trưởng nhanh do đó nhu cầu cho đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng càng lớn. Là một đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; đầu tư kinh doanh nhà ở và khu đô thị v.v..., sự phát triển của nền kinh tế có tác động tích cực đến khả năng tăng trưởng phát triển của Công ty.

Lãi suất

Tại thời điểm 30/09/2007¹, vốn vay của Công ty bằng khoảng 3,82 lần vốn điều lệ, trong đó vốn vay chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn (*chiếm 93,48%*). Tuy nhiên, đây là đặc thù của ngành xây lắp, khi tham gia xây dựng những công trình lớn như: đường quốc lộ, tòa nhà văn phòng.... thì đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu lớn và đầu tư trong thời gian dài nên các doanh nghiệp trong ngành này ngoài việc sử dụng vốn tự có thì thường phải sử dụng nợ vay Ngân hàng. Hơn nữa, thời gian đầu thu hồi thường chậm do khách hàng chậm thanh toán. Chính vì lý do đó nên trong trường hợp lãi suất tăng, chi phí hoạt động sẽ tăng theo và có thể gây ảnh hưởng nhất định tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, với việc niêm yết cổ phiếu trên TT GDCK Hà Nội, Công ty sẽ được tiếp cận với một kênh huy động vốn mới và hiệu quả là Thị trường chứng khoán. Điều này, tạo điều kiện cho Công ty hướng tới một cơ cấu tài chính hợp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro do biến động về lãi suất gây ra. Đồng thời, tính thanh khoản của cổ phiếu Công ty được tăng lên, tạo thêm sự thuận lợi và tiện ích cho cổ đông.

Tỷ giá hối đoái

Hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy tỷ giá hối đoái biến động sẽ có ảnh hưởng không đáng kể tới sự tăng trưởng và phát triển của Công ty trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

Lạm phát

Trong hai năm 2005, 2006 tỷ lệ lạm phát của Việt Nam lần lượt 8,4% và 6,6%, và riêng 9 tháng

¹ : Nguồn: Báo cáo quyết toán 9 tháng CTCP Xây dựng số 5 - Vinaconex 5

đầu năm 2007 đạt mức 8,8%², và theo dự đoán của các chuyên gia kinh tế thì tỷ lệ lạm phát trong những năm tới sẽ dao động ở mức 7% đến 8%. Tuy nhiên, theo các chuyên gia ADB đánh giá, trong các nguyên nhân gây lạm phát, lương thực thực phẩm là nhân tố chủ yếu, chiếm tới 42,8% trong rổ hàng hóa tính CPI. Đồng thời khi giá cả đầu vào tăng lên do nguyên nhân lạm phát, giá cả đầu ra cũng sẽ được tăng lên tương ứng. Bởi vậy, tác động của lạm phát lên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ dừng ở mức độ nhất định.

2. Rủi ro về cơ chế chính sách và Pháp luật

Từ một doanh nghiệp Nhà Nước chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần, trở thành Công ty đại chúng và tiến hành Niêm yết trên thị trường Chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản Pháp luật khác liên quan đến cổ phần hóa, Chứng khoán và thị trường Chứng khoán...

Sau cổ phần hóa, tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại Công ty vẫn ở mức chi phối (51%) do đó, Công ty còn chịu tác động trực tiếp từ chính sách, cơ chế điều hành cũng như chiến lược phát triển của Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam - VINACONEX..

Ngoài ra, các văn bản Pháp luật liên quan đến chính sách về xây dựng cơ bản, phát triển các Khu đô thị, cơ sở hạ tầng,... còn có nhiều chồng chéo, thiếu tính ổn định và nhất quán, tác động khó khăn cho Công ty trong việc hoạch định chiến lược, chính sách kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù ngành Xây dựng

Đặc thù của hoạt động xây dựng cơ bản là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, các chủ đầu tư là các bộ ngành và địa phương thường bố trí quá nhiều dự án, công trình xây dựng không tương xứng với nguồn vốn đầu tư cho nên thi công kéo dài, khối lượng đầu tư dở dang nhiều. Điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân và thanh quyết toán của các công trình và làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Ban lãnh đạo Công ty đã có sự chuẩn bị kỹ trước khi đưa cổ phiếu lên niêm yết tập trung trên TTGDCK Hà Nội. Trên cơ sở đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty, việc niêm yết cổ phiếu sẽ đem lại cho công ty những cơ hội để quảng bá thương hiệu, tìm kiếm đối tác, nâng cao uy tín đối với

² : Nguồn: Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)

khách hàng, tạo lập một kênh huy động vốn mới hiệu quả hơn.....

Tuy nhiên, sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán, giá cổ phiếu có thể thay đổi do tác động của các yếu tố như cung cầu, thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc sự thay đổi về môi trường pháp luật... Đối với rủi ro này, Công ty có kế hoạch phòng ngừa và sẽ thực hiện các biện pháp sau:

-  Vinaconex 5 cam kết duy trì một Bản tổng kết tài sản lành mạnh với danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao, duy trì cơ cấu tài chính vững mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Đồng thời Công ty cam kết sẽ quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty theo hướng minh bạch, công khai hóa thông tin nhằm tạo niềm tin cho công chúng đầu tư.
-  Vinaconex 5 có trách nhiệm chủ động định hướng thông tin và công bố thông tin nhằm giúp nhà đầu tư hiểu rõ nguyên nhân biến động của cổ phiếu Vinaconex 5. Mặt khác, Công ty sẽ thành lập một bộ phận am hiểu về thị trường chứng khoán để thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty, theo dõi sát sao những diễn biến của thị trường chứng khoán để có thể đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh.... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Những rủi ro này có thể gây ảnh hưởng tới các công trình xây dựng, làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại cho công trình (*một phần hay toàn bộ*).

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức Niêm yết:

Ông:	Trần Duy Báu	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
Ông:	Trần Đức Cung	Chức vụ:	Phó Giám Đốc
Bà:	Lê Thị Thế	Chức vụ:	Kế toán trưởng
Ông:	Vũ Văn Mạnh	Chức vụ:	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc có điều tra, thu thập một cách hợp lý. Theo đó, nhà đầu tư có thể hiểu, phân tích tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh trong quá khứ cũng như triển vọng trong tương lai của Công ty.

2. Tổ chức Tư vấn

Đại diện theo Pháp Luật:

Ông: **Hà Hoài Nam** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Bản Cáo Bạch này là một phần của Hồ sơ xin đăng ký Niêm yết Cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5 trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long - KLS tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư vấn với Công ty Cổ phần Xây dựng số 5. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Việt Nam:	Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5;
Vinaconex 5:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5;
Cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng số 5;
ĐKNY:	Đăng ký Niêm yết;
KLS:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kim Long;
UBCK NN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
TTGDCK Hà Nội:	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
TTLKCK Hà Nội:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Hà Nội;
Hastc:	Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
HĐQT:	Hội đồng quản trị;
BGD:	Ban Giám Đốc;
BKS:	Ban Kiểm Soát;
Thuế TNDN:	Thuế Thu nhập doanh nghiệp;
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên;
BCTC:	Báo cáo Tài chính;
DTT:	Doanh thu thuần;
LNST:	Lợi nhuận sau thuế;
ĐVT:	Đơn vị tính;
VNĐ:	Đồng Việt Nam;
Xưởng GCKCT:	Xưởng Gia công kết cấu thép
Đội XLĐN:	Xây lắp điện nước
Đội XD:	Đội Xây dựng
BQL XM:	Ban Quản lý Xi-măng

IV. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Trên cơ sở hợp nhất Công ty kiến trúc Ninh Bình và Công ty kiến trúc Nam Hà, ngày 29 tháng 09 năm 1973, Công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty Xây dựng số 5 với nhiệm vụ chính là xây dựng công trình trọng điểm của Nhà nước, cụ thể là xây dựng nhà máy nhiệt điện Ninh Bình, khu liên hợp dệt Nam Định và tham gia xây dựng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau khi Nhà máy nhiệt điện Ninh Bình cơ bản hoàn thành, năm 1976 Công ty tiếp tục được Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ xây dựng Nhà máy xi măng và khu công nghiệp vật liệu xây dựng Bím Sơn - Thanh Hoá. Trong quá trình thực hiện thi công nhà máy, theo yêu cầu của Bộ Xây dựng Công ty đã cử 500 cán bộ công nhân kỹ thuật chi viện cho các công trình xây dựng nhà máy nhiệt điện Hoà Bình, thủy điện Trị An và nhiệt điện Phả Lại. Việc hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng Nhà máy xi măng Bím Sơn, tăng cường lực lượng cán bộ công nhân cho các công trình trọng điểm của Nhà nước lúc bấy giờ đã đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Công ty xây dựng số 5, khẳng định năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên có đủ điều kiện để bước vào xây dựng những công trình mới với yêu cầu kỹ thuật cao hơn.

Từ năm 1989 khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, Công ty đã chủ động tiếp cận thi công được nhiều công trình mới như xi măng Văn Xá - Huế, xi măng Áng Sơn - Quảng Bình, xi măng Hữu Lũng - Lạng Sơn, xi măng Hà Bắc, xi măng Tiên Sơn - Hà Tây, xi măng Hệ Dưỡng - Ninh Bình và nhiều công trình dân dụng khác. Thời kỳ này Công ty còn vươn ra tiếp cận với thị trường Xây dựng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, với hai Công trình Chợ Sáng và Nhà Quốc Hội nước bạn Lào đã được Chính phủ Lào đánh giá cao về uy tín và chất lượng.

Tháng 5 năm 1995 sau khi thực hiện việc sắp xếp lại các Doanh nghiệp, thành lập các Tổng Công ty lớn, Công ty Xây dựng số 5 được Bộ Xây dựng quyết định chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam - VINACONEX. Được Tổng công ty quan tâm tạo điều kiện, Công ty đã tập trung vào đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng các công nghệ xây dựng tiên tiến. Bắt đầu từ đây Công ty liên tục tham gia thi công những công trình lớn mang tầm cỡ quốc gia như:

-  Xi măng Chinh Phong - Hải Phòng;
-  Xi măng Bút Sơn - Hà Nam;
-  Xi măng Nghi Sơn - Thanh Hoá;
-  Xi măng Hoàng Mai - Nghệ An;
-  Nhà máy ô tô FORD - Hải Dương;
-  Nhà máy kính nổi Đáp Cầu;

🚧 Nhà máy mía đường Việt Đài - Thanh Hoá;

🚧 Nhà máy nhiệt điện Phả Lại II.

Ngoài ra, Công ty còn tham gia xây dựng nhiều công trình dân dụng, giao thông, thuỷ lợi khác trên hầu hết khắp các tỉnh trong cả nước. Tại nước bạn Lào, Công ty tiếp tục đảm nhận hai công trình lớn là Bệnh viện Thủ đô Viên Chăn và Trường Đại học Quốc gia Lào, đây là những công trình được đánh giá cao về chất lượng, kỹ, mỹ thuật, để lại tình cảm tốt đẹp trong nhân dân các bộ tộc Lào.

Từ năm 2001 đến nay với uy tín của mình và được Tổng Công ty tin tưởng, Công ty Xây dựng số 5 đã và đang tiếp tục được giao tham gia Xây dựng các công trình: Trung tâm Hội nghị 650 chỗ tỉnh Thanh Hoá, Siêu thị VINACONEX Thanh Hoá, Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình, thi công một số nhà cao tầng từ 17 tầng đến 34 tầng tại khu chung cư Trung Hoà Nhân Chính Hà Nội, thi công công trình Cầu Thanh Trì, Cầu vượt Ngã Tư Sở, công trình Trung tâm hội nghị Quốc gia, tòa nhà 25 tầng Vimeco... Tại các công trình lớn này, Công ty cổ phần xây dựng số 5 khẳng định việc đáp ứng ngày càng cao các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và tiến độ các công trình.

Trong 5 năm trở lại đây giá trị sản lượng Công ty đạt được tăng nhanh. Năm 2001 đạt 106 tỷ đồng, năm 2002 đạt 142,6 tỷ đồng, năm 2003 đạt 194 tỷ đồng, năm 2004 đạt 230,2 tỷ đồng, năm 2005 đạt 285 tỷ đồng, năm 2006 đạt 350 tỷ đồng, đời sống của cán bộ công nhân viên được nâng lên rõ rệt.

Tháng 10 năm 2004 thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc sắp xếp lại các Doanh nghiệp Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Bộ Xây dựng đã có quyết định chuyển đổi Công ty Xây dựng số 5 thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 với mức vốn ban đầu là 21 tỷ đồng. Qua hơn 3 năm hoạt động, tính đến thời điểm hiện tại, Vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 50 tỷ đồng. Theo kế hoạch Công ty đã đặt ra, dự kiến mức vốn này sẽ còn tiếp tục tăng để đảm bảo đáp ứng nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Với những đóng góp to lớn trong quá trình bảo vệ, xây dựng và phát triển của đất nước - Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5 đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- | | |
|---|---|
| 🚧 | Huân chương độc lập hạng 3 |
| 🚧 | Huân chương kháng chiến hạng nhất |
| 🚧 | Huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba |
| 🚧 | Nhiều bằng khen của chính phủ |

Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty kể từ ngày cổ phần hoá.

Tại thời điểm cổ phần hóa (tháng 10/2004) Vốn điều lệ của Công ty là 21.000.000.000 đồng. Đến nay (16/10/2007) vốn điều lệ của công ty là 50.000.000.000 đồng³, chi tiết quá trình tăng vốn của công ty như sau:

Đợt 1: Phát hành thêm 1.900.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng, tương đương 19.000.000.000 đồng.

Chi tiết như sau::

Cổ đông	Số cổ phần (cp)	Mệnh giá (đồng)	Giá bán (đồng/cp)	Giá trị bán cổ phần (1.000 đồng)	Trong đó	
					Mệnh giá (1.000 đồng)	Thặng dư (1.000 đồng)
Tổng Cty CP Vinaconex	675.000	10.000	12.500	8.437.500	6.750.000	1.687.500
Cổ đông hiện hữu	367.500	10.000	12.500	4.593.750	3.675.000	918.750
Cán bộ chủ chốt	310.200	10.000	12.500	3.877.500	3.102.000	775.500
Công nhân bậc cao và chiến sỹ thi đua	58.900	10.000	12.500	736.250	589.000	147.250
Cán bộ CNV	332.400	10.000	12.500	4.155.000	3.324.000	831.000
Đối tác bên ngoài	156.000	10.000	13.000	2.028.000	1.560.000	468.000
Tổng cộng	1.900.000			23.828.000	19.000.000	4.828.000

Tính đến ngày 29 tháng 05 năm 2007, việc phát hành đợt 1 của Công ty tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng đã được hoàn tất. Công ty đã tiến hành sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 02 trong đó sửa đổi Vốn điều lệ Công ty lên 40 tỷ đồng.

Đợt 2 Phát hành thêm 1.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng, tương đương 10.000.000.000 đồng cho cổ đông hiện hữu của Công ty với giá phát hành: 15.000

³ Nguồn: Báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu tại ngày 15/10/2007

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5



đồng/ cổ phần:

Chi tiết như sau::

Cổ đông	Số cổ phần (cp)	Mệnh giá (đồng)	Giá bán (đồng/cp)	Giá trị bán cổ phần (1.000 đồng)	Trong đó	
					Mệnh giá (1.000 đồng)	Thặng dư (1.000 đồng)
Tổng Cty CP Vinaconex	510.000	10.000	15.000	7.650.000	5.100.000	2.550.000
Cổ đông hiện hữu	490.000	10.000	15.000	7.350.000	4.900.000	2.450.000
Tổng cộng	1.000.000			15.000.000	10.000.000	5.000.000

Tính đến ngày 16 tháng 10 năm 2007, việc phát hành đợt 2 của Công ty tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng đã được hoàn tất.

Kết thúc đợt phát hành, tổng vốn thu được là 38.828.000.000 đồng, trong đó giá trị theo mệnh giá là 29.000.000.000 đồng, thặng dư thu được là 9.828.000.000 đồng.

Ngày 18/10/2007, Công ty đã tiến hành thay đổi đăng ký kinh doanh theo mức vốn điều lệ mới là 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng.

2. Một số thông tin cơ bản về Công ty

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Tên giao dịch quốc tế: CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY – NUMBER 5

Tên viết tắt: Vinaconex N^o 5 - JSC

Logo:



VINACONEX 5

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh: số 2603000225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2004, thay đổi lần 4 ngày 18 tháng 10 năm 2007.

Trang 14

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG (KLS)
Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội; **ĐT:** 04 7.726868; **Fax:** 04 7.726136 www.kls.vn



Địa chỉ:

✚ **Trụ sở chính:** Số 203 - Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: (84.373) 824 876 / 825 001

✚ **Văn phòng đại diện tại Hà Nội:** Tầng 2 tòa nhà VIMECO, lô E9 đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 7849 731 Fax: (84.4) 7848 937

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- ✚ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi;
- ✚ Xây dựng các công trình cảng thủy và cảng hàng không;
- ✚ Xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- ✚ Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;
- ✚ Xây dựng cầu đường;
- ✚ Gia công lắp đặt cơ khí cho xây dựng;
- ✚ Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- ✚ Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị;
- ✚ Đầu tư khai thác và kinh doanh nước sạch;
- ✚ Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- ✚ Kinh doanh vận tải đường bộ và thiết bị xây dựng;
- ✚ Kinh doanh dịch vụ lao động và thương mại;
- ✚ Sửa chữa, bảo trì: thiết bị cơ, điện, nước và khí các công trình công nghiệp và dân dụng;
- ✚ Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gỗ công nghiệp cho xây dựng và gia dụng;
- ✚ Chế biến gỗ và lâm sản cho xây dựng;
- ✚ Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị và sản phẩm xây dựng.

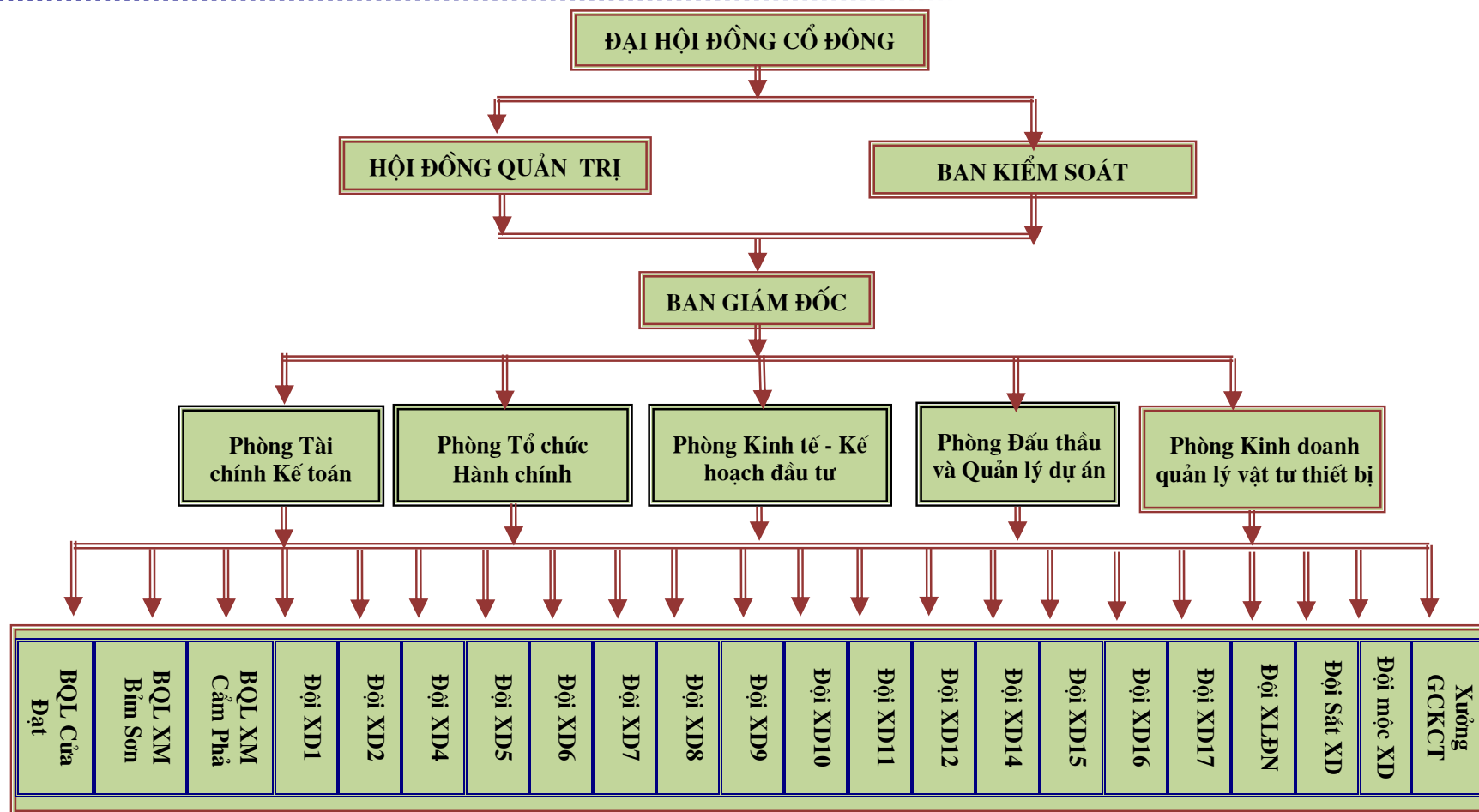
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng

Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 16/10/2007:

STT	Cổ đông	Cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, đại diện được cử nắm giữ là các Ông/Bà có tên sau:	2.550.000	51%
	- Ông Dương Văn Trường	2.450.000	49%
	- Ông Vũ Văn Mạnh	100.000	02%
2	Vốn góp của các cổ đông khác:	2.450.000	49%
	Tổng cộng	5.000.000	100%

3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Hình 1: Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5 được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2007.

Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

-  Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của kiểm toán viên;
-  Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
-  Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
-  Lựa chọn Công ty kiểm toán;
-  Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
-  Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
-  Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị:

Danh sách HĐQT:

-  Ông **Trần Duy Báu** - Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**
-  Ông **Mai Văn Đình** - Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị**
-  Ông **Trần Thọ** - Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị**
-  Ông **Trần Đức Cung** - Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị**
-  Ông **Dương Văn Trường** - Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị**

Số thành viên của Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Hội đồng quản trị là

cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

-  Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
-  Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
-  Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ.
-  Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
-  Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
-  Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
-  Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
-  Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát:

Danh sách BKS:

-  Ông **Vũ Văn Mạnh** - Chức vụ: **Trưởng Ban Kiểm soát**
-  Ông **Trịnh Viết Kiệm** - Chức vụ: **Thành viên Ban Kiểm soát**
-  Ông **Lê Thanh Giêng** - Chức vụ: **Thành viên Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

-  Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
-  Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
-  Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- ✚ Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- ✚ Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- ✚ Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- ✚ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám Đốc:

Danh sách Ban Giám đốc:

- ✚ Ông **Trần Duy Báu** - Chức vụ: **Giám đốc**
- ✚ Ông **Mai Văn Đình** - Chức vụ: **Phó Giám đốc**
- ✚ Ông **Trần Đức Cung** - Chức vụ: **Phó Giám đốc**
- ✚ Ông **Ngô Hải An** - Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nên Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- ✚ Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
- ✚ Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- ✚ Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- ✚ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- ✚ Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;

-  Đại diện Công ty trước Pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
-  Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Các phòng ban chức năng của Công ty:

Phòng Tài chính - Kế toán:

Có chức năng Quản lý mọi hoạt động liên quan đến tiền vốn của Công ty; Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán; Lập kế hoạch Tài chính, kế hoạch huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; Kiểm soát và thực hiện các chế độ chính sách pháp luật về công tác quản lý kinh tế tài chính; Chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan Nhà nước về lĩnh vực Tài chính, thuế theo quy định của pháp luật ; Thực hiện đúng các chế độ về nghĩa vụ, quyền lợi giữa Công ty đối với người lao động; Lập quản lý và lưu trữ hồ sơ chứng từ về tài chính kế toán theo quy định của pháp luật.

Phòng Đấu thầu và Quản lý dự án:

Có chức năng Làm công tác tiếp thị, chủ trì lập hồ sơ đấu thầu các công trình và các dự án; Lập biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công các công trình phức tạp và các công trình do Công ty trực tiếp quản lý thi công; Trực tiếp quản lý và tổ chức thi công một số công trình, dự án do Công ty nhận thầu; Tham gia lập và duyệt biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công do các đội hoặc thầu phụ nhận khoán; Đôn đốc, kiểm tra, giám sát về tiến độ, chất lượng và công tác an toàn tất cả các công trình trong phạm vi toàn Công ty; Tổng hợp báo cáo định kỳ tháng, quý hoặc đột xuất theo yêu cầu do lãnh đạo Công ty, chủ đầu tư và các bên có liên quan về tiến độ, chất lượng, an toàn tất cả các công trình. Đề xuất, kiến nghị biện pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; Hướng dẫn và hoàn chỉnh các thủ tục nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hồ sơ hoàn công tác công trình; Quản lý hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ thầu; Quản lý và sử dụng lực lượng cán bộ nhân viên trong phạm vi của Phòng.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư:

Phòng Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư có chức năng chủ yếu sau:

-  Tham mưu thương thảo, ký kết và tham gia thanh lý các hợp đồng: Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp với các chủ đầu tư; Hợp đồng thầu phụ; Hợp đồng liên doanh, liên kết với các đối tác; Hợp đồng giao nhận khoán công trình; Hợp đồng thuê và cho thuê thiết bị; Hợp đồng sửa chữa thiết bị; Hợp đồng mua, bán vật tư, vật liệu xây dựng, bê

tông, cát, đá;

-  Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm của Công ty, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch, tham mưu đề xuất việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả cao; Quản lý, cấp phát những vật tư chính theo định mức vật tư và đơn giá dự toán công trình; Thống kê tổng hợp khối lượng thực hiện hàng kỳ và đột xuất;
-  Làm chào bán giá công tình, dự toán công trình; theo dõi, đơn đốc công tác thanh quyết toán các công trình; Cập nhật và quản lý các chế độ chính sách về giá công trình;
-  Lập và quản lý các dự án đầu tư do Công ty làm chủ đầu tư;
-  Quản lý lưu trữ hồ sơ thầu và các văn bản có liên quan đến các nội dung công việc trên;
-  Quản lý và sử dụng lực lượng cán bộ nhân viên trong phạm vi của Phòng.

Phòng Kinh doanh, Quản lý vật tư thiết bị:

Có chức năng nhiệm vụ chủ yếu sau: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong việc ký kết các hợp đồng mua bán cho thuê vật tư thiết bị; Tổ chức kinh doanh và Quản lý vật tư thiết bị hiện có của Công ty; Lập kế hoạch và tổ chức việc bảo dưỡng, sửa chữa vật tư thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hoạt động an toàn và hiệu quả; Theo dõi việc thực hiện các hợp đồng liên quan đến vật tư, thiết bị, đối chiếu xác nhận thời gian, khối lượng và giá trị thực hiện các hợp đồng; Tổng hợp báo cáo định kỳ, quý, tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty và các bên có liên quan; Lập và quản lý hồ sơ kỹ thuật, chất lượng vật tư, thiết bị; Quản lý và sử dụng lực lượng cán bộ công nhân viên, người lao động trong phạm vi của phòng.

Phòng Tổ chức - Hành chính:

Có chức năng nhiệm vụ chủ yếu sau: Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong công tác tổ chức hành chính, quản trị; Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong công tác quy hoạch cán bộ, tuyển dụng và đào tạo; Lập phương án tổ chức sản xuất, điều động cán bộ công nhân viên giữa các đơn vị trong Công ty kịp thời, hiệu quả; Kiểm soát, thực hiện công tác tiền lương, hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác của người lao động theo quy định của pháp luật; Lập kế hoạch, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, quân sự tự vệ và phòng chống cháy nổ; Thực hiện công tác văn thư, quản lý lưu trữ hồ sơ cán bộ công nhân viên, người lao động trong toàn Công ty; Phối hợp các phòng ban đơn vị để thực

hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả đúng pháp luật; Tổng hợp báo cáo định kỳ, quý, tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước và lãnh đạo Công ty về lĩnh vực tổ chức, hành chính, quản trị; Quản lý và sử dụng cán bộ nhân viên của phòng hiệu quả.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; cơ cấu cổ đông tại ngày 06 tháng 11 năm 2007:

4.1. Danh sách nắm giữ từ trên 5% vốn Cổ phần của Công ty

Tên	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex, khu Trung Hòa - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	2.550.000	51%

Người đại diện sở hữu:

Dương Văn Trường	010023466	34 ngõ 7, Thái Hà, tổ 8A phường Trung Liệt, Đống Đa, HN.	2.450.000	49%
Vũ Văn Mạnh	012682568	P2, nhà 66 Bách Khoa, Hà Nội	100.000	2%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 - Vinaconex 5)

4.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 06/11/2007

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	Tổ chức: 01	2.550.000	51%
	Trong đó:		
1.	- Trong nước: 01	2.550.000	51%
	- Nước ngoài: 0	0	0
2.	Cá nhân:	2.450.000	49%

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trong đó:			
-	Trong nước: 649	2349000	46,98%
-	Nước ngoài: 01	101.000	2,02%
Tổng cộng: 651		5.000.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 - Vinaconex 5)

- 5. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, những Công ty mà Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.**

5.1. Công ty mẹ: 01 Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex, khu Trung Hòa - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại: (84.4) 2249 250 Fax: (84.4) 2249 208

Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 06/11/2007): 2.550.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 51% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vinaconex Số 5.

5.2. Công ty con và Công ty góp vốn

Công ty con: Không có

Công ty góp vốn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển khu công nghiệp, khu đô thị Vinaconex

Trụ sở: Số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103017637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/05/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 27/07/2007.

Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý khu đô thị, khu nhà ở, khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe;
- Xây dựng, phát triển các công trình, dự án: dân dụng; công nghiệp, hạ tầng cơ sở, cấp

thoát nước; xử lý chất thải, môi trường, đô thị, nhà ở;

- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Buôn bán đồ dùng gia đình;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng xe máy;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

🚩 Vốn điều lệ: 70.000.000.000 (bảy mươi tỷ đồng) Việt Nam

🚩 Vốn góp của Vinaconex 5: 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu) đồng chiếm 5% vốn điều lệ.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm, dịch vụ

6.1.1 Các nhóm sản phẩm của Công ty

Các sản phẩm của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 chủ yếu tập trung vào các nhóm sản phẩm chính sau:

- ✚ Xây lắp công nghiệp và dân dụng:
 - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi;
 - Xây dựng các công trình cảng thủy và cảng hàng không;
 - Xây lắp đường dây và trạm biến áp;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;
 - Xây dựng cầu đường;
 - Gia công lắp đặt cơ khí cho xây dựng;
 - Trang trí nội, ngoại thất công trình.
- ✚ Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- ✚ Sản xuất kinh doanh sản phẩm gỗ cho xây dựng và gia dụng.
- ✚ Sản xuất kinh doanh khác.

6.1.2 Cơ cấu Doanh thu, lợi nhuận, giá trị dịch vụ qua các năm 2005, 2006 và 9 tháng đầu năm 2007

a. Cơ cấu Doanh thu:

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng năm 2007	
	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Xây lắp CN và DD ⁴	220.263.903.451	91,64	308.968.303.868	95,73	162.003.901.128	98,60
2. Sản xuất kinh doanh VLXD	12.476.994.199	5,19	4.684.144.336	1,45	100.932.034	0,06
3. Sản xuất kinh doanh sản phẩm gỗ cho XD và DD. ⁵	3.509.771.071	1,46	6.233.204.074	1,93	154.267.871	0,09

⁴ CN và DD: Công nghiệp và Dân dụng

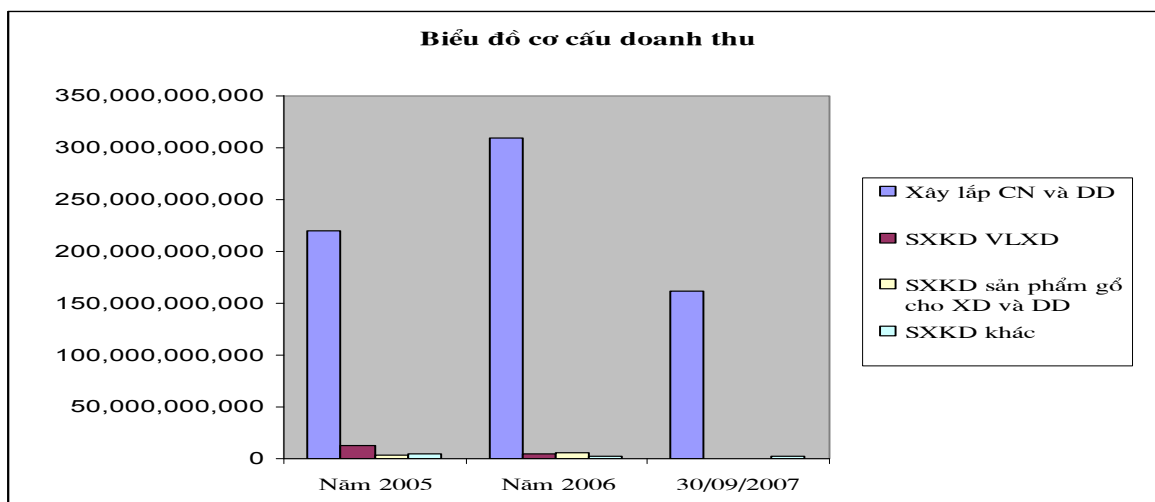
⁵ XD và DD: Xây dựng và Dân dụng

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng năm 2007	
	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
4. Sản xuất kinh doanh khác.	4.111.258.446	1,71	2.864.534.632	0,89	2.050.182.943	1,25
Tổng	240.361.927.167	100	322.750.186.910	100	164.309.283.976	100

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động xây lắp Công nghiệp và Dân dụng chiếm tỷ trọng lớn nhất:

-  Năm 2005, Xây lắp Công nghiệp và Dân dụng đạt 220.263.903.451 đồng chiếm 91,64% Tổng doanh thu năm 2005.
-  Năm 2006, Xây lắp Công nghiệp và Dân dụng đạt 308.968.303.868 đồng chiếm 95,73 Tổng doanh thu năm 2006.
-  09 tháng đầu năm 2007, Xây lắp Công nghiệp và Dân dụng đạt 162.003.901.128 đồng, chiếm 98,06% Tổng doanh thu 09 tháng đầu năm 2007.

Ngoài hoạt động xây lắp Công nghiệp và Dân dụng, Công ty còn thực hiện các hoạt động khác như sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng, sản xuất kinh doanh các sản phẩm gỗ cho Xây dựng và Dân dụng... Tuy nhiên, doanh thu từ những hoạt động này không chiếm tỷ trọng nhiều trong tổng doanh thu của Công ty do đây không phải là những hoạt động chủ yếu của Công ty.

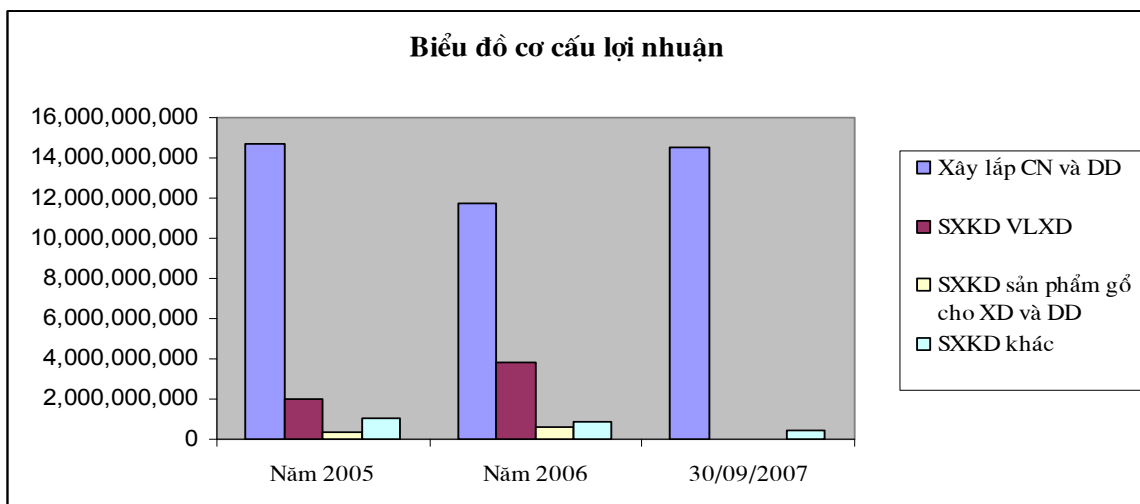


Cơ cấu Lợi nhuận gộp:

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng năm 2007	
	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Xây lắp CN và DD	14.658.479.640	81,47	11.774.889.947	69,1	14.504.927.260	97.07
2. Sản xuất kinh doanh VLXD	2.003.130.003	11,13	3.797.628.310	22,29	4.119.635	0.03
3. Sản xuất kinh doanh sản phẩm gỗ cho XD và DD.	316.590.736	1,76	609.956.439	3,58	24.259.620	0.16
4. Sản xuất kinh doanh khác.	1.014.444.520	5,64	856.873.909	5,03	410.036.589	2.74
Tổng	17.992.644.899	100	17.039.348.605	100	14.943.343.104	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 - Vinaconex 5)

Trong cơ cấu Lợi nhuận Gộp của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5, tỷ trọng Lợi nhuận gộp từ hoạt động xây lắp Công nghiệp và Dân dụng chiếm tỷ trọng lớn nhất: năm 2005 chiếm 81,47% Tổng Lợi nhuận Gộp, năm 2006 chiếm 69,1% Tổng lợi nhuận gộp, 09 tháng đầu năm 2007 chiếm 97,07% Tổng Lợi nhuận Gộp.



Trong năm 2006, Tổng doanh thu Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 đạt 322.750.186.910 tăng 34,277% so với năm 2005, tuy nhiên Lợi nhuận gộp giảm so với năm 2005, nguyên nhân là do: trong năm 2006, Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 vẫn đang thực hiện những hợp đồng thi công đã được ký kết từ các năm trước với khách hàng. Hầu hết các Công trình này đều có thời gian thực hiện trong nhiều năm, do vậy chịu ảnh hưởng bởi yếu tố trượt giá và lãi vay Ngân hàng. Đây là nhân tố chính gây tăng chi phí, làm giảm lợi nhuận của Công ty trong năm 2006.

Trong 9 tháng đầu năm 2007, tổng doanh thu chỉ đạt 164.309.283.976 chiếm 46,42 % so với Kế hoạch năm 2007. Tuy nhiên, với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nên doanh thu chủ yếu sẽ được hạch toán vào thời điểm cuối năm, khi các công trình đi vào quyết toán, do vậy Công ty tin tưởng sẽ hoàn thành kế hoạch Doanh thu trong năm 2007 đã đặt ra là 354.000.000.000 đồng. Cũng trong 9 tháng đầu năm 2007, tuy mức doanh thu đạt được chỉ chiếm 46,62% so với kế hoạch, nhưng lợi nhuận đạt được là 14.943.343.104 đồng, bằng 87,69% so với cả năm 2006. Mức lợi nhuận cao trong 9 tháng đầu năm 2007 là do Công ty tham gia một số công trình do các chủ đầu tư nước ngoài tài trợ (như: tập đoàn Sumitomo (*cầu vượt Ngã Tư Sở*), tập đoàn Taisei (*cầu Thanh Trì*), nhà thầu HISG (*sân vận động quốc gia Mỹ Đình*)...) nên số tiền được ứng trước và thanh toán hàng tháng kịp thời do đó không chịu ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố trượt giá. Thêm vào đó, trong năm 2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 21.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng, với số vốn thu được từ đợt tăng vốn này, Công ty đã sử dụng vốn để đầu tư thi công các dự án đang thực hiện, giảm tỷ lệ vốn vay Ngân hàng, giảm chi phí lãi vay. Chính vì những lý do đó lợi nhuận của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2007 có sự tăng trưởng mạnh hơn so với các năm trước.

6.2 Nguyên vật liệu

6.2.1 Nguồn nguyên vật liệu

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn nguyên liệu của Công ty được sử dụng từ nguồn nguyên liệu trong nước và nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài.

-  Nguyên vật liệu sử dụng trong nước: Công ty chủ yếu sử dụng nguồn nguyên vật liệu trong nước bao gồm: thép xây dựng, xi-măng PCB300, 400, cát đá phục vụ cho công tác bê tông, phụ gia hóa dẻo Bê tông...
-  Nguyên vật liệu nhập khẩu: Công ty có nhu cầu sử dụng một số ít nguyên vật liệu trong nước không sản xuất, phải nhập khẩu. Tuy nhiên, Công ty không nhập khẩu trực tiếp mà mua qua các nhà cung cấp trung gian trong nước.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho công ty

Nhà cung cấp	Sản phẩm
Công ty cổ phần thép & vật tư công nghiệp Simco	Thép xây dựng
Công ty thương mại Tiến Hà	Thép xây dựng
Công ty KD vật thương mại Phú Hùng	Thép xây dựng
Công ty Cổ phần Nhà Rong	Thép xây dựng
Công thương mại Thái Hà	Thép xây dựng
Công ty cổ phần đá Đồng Giao	Đá 1*2-2*4
Công ty cổ phần đá Hoàng Thành	Đá 1*2-2*4
Doanh nghiệp đá Việt Thắng	Đá 1*2-2*4
Doanh nghiệp tư nhân vật liệu Đò lên	Cát xây dựng, Cát bê tông
Công ty TNHH Si Ka việt nam	Phụ gia bê tông
Công ty điện tử tin học hoá chất	Phụ gia bê tông

Nhà cung cấp	Sản phẩm
Công ty Việt Hoàng Thành	Phụ gia bê tông
Công ty Xi măng Bỉm Sơn	Cung cấp xi măng
Công ty thương mại Miền núi Thanh hoá	Cung cấp xi măng
Công ty Xi Măng Nghi Sơn	Cung cấp xi măng
Công ty Xi Măng Tam Điệp	Cung cấp xi măng

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 - Vinaconex 5)

6.2.2 Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Vinaconex 5 đều là những công ty uy tín, có kinh nghiệm lâu năm trên thị trường. Vật liệu được cung cấp ổn định luôn đảm bảo đủ so với yêu cầu tiến độ đặt ra, các vật liệu đưa vào đều đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, đều có chứng chỉ xuất xứ hàng hóa... Công ty luôn duy trì việc đánh giá và đánh giá lại nhà cung ứng đưa họ vào danh sách các nhà cung ứng được phê duyệt và thực hiện việc ký kết hợp đồng hay hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp, cung cấp đầy đủ thông tin cho họ, và thực hiện việc thanh toán đúng hạn, giúp họ an tâm trong việc thực hiện cung cấp ổn định cho Vinaconex 5.

Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguyên vật liệu:

- Hàng năm Công ty tiến hành ký các hợp đồng nguyên tắc về cung cấp nguyên vật liệu. Các nhà cung cấp thường là các doanh nghiệp lớn, đã kinh doanh nhiều năm đối với từng nhóm sản phẩm, có nhiều uy tín trong thị trường...
- Hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), các rào cản thuế quan hay hạn ngạch đang dần được gỡ bỏ, Công ty có thêm nhiều sự lựa chọn từ các nguồn cung cấp nước ngoài. Thêm nữa, các nhà sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng trong nước sẽ đứng trước sức ép cạnh tranh lớn từ bên ngoài, sẽ phải cải tiến chất lượng, tìm mọi cách giảm giá thành. Công ty luôn tìm kiếm thêm, tìm hiểu và đánh giá các nhà cung cấp trong và ngoài nước mới, làm nguồn cung ứng hay cung ứng dự phòng bảo đảm việc chủ động về nguyên vật liệu, thiết bị thi công. Công ty cũng tìm hiểu và cập nhật những vật liệu, thiết bị công nghệ mới, tân tiến trên thị trường trong và ngoài nước, giúp Công ty duy trì việc chủ động hơn trong việc dự đấu thầu và triển khai thi công.

6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Giá vốn hàng bán, Doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế của Công ty qua các năm

Năm	Doanh thu thuần <i>(đồng)</i>	Giá vốn hàng bán <i>(đồng)</i>	GVHB/DTT <i>(%)</i>	Lợi nhuận trước thuế (đồng)
2005	240.361.927.167	222.369.282.268	92,51	5.441.812.442
2006	322.750.186.910	305.710.838.305	94,72	7.719.248.780
9 tháng đầu năm 2007	164.309.283.976	149.365.940.872	90,91	7.121.526.763

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 - Vinaconex 5)

Sự biến động giá cả nguyên vật liệu theo chiều hướng gia tăng trong thời gian ngắn, sẽ làm cho kinh phí đầu tư của các chủ đầu tư tăng theo. Điều này có thể làm cho số lượng và qui mô các dự án đầu tư giảm xuống, ảnh hưởng đến doanh số của ngành xây dựng nói chung và của Công ty nói riêng.

Là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chi phí sản xuất của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động giá cả vật liệu xây dựng như sắt thép, xi măng,... Khi giá cả vật liệu xây dựng tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với những hợp đồng thi công dài hạn đã ký, điều này có thể gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

6.3 Chi phí sản xuất

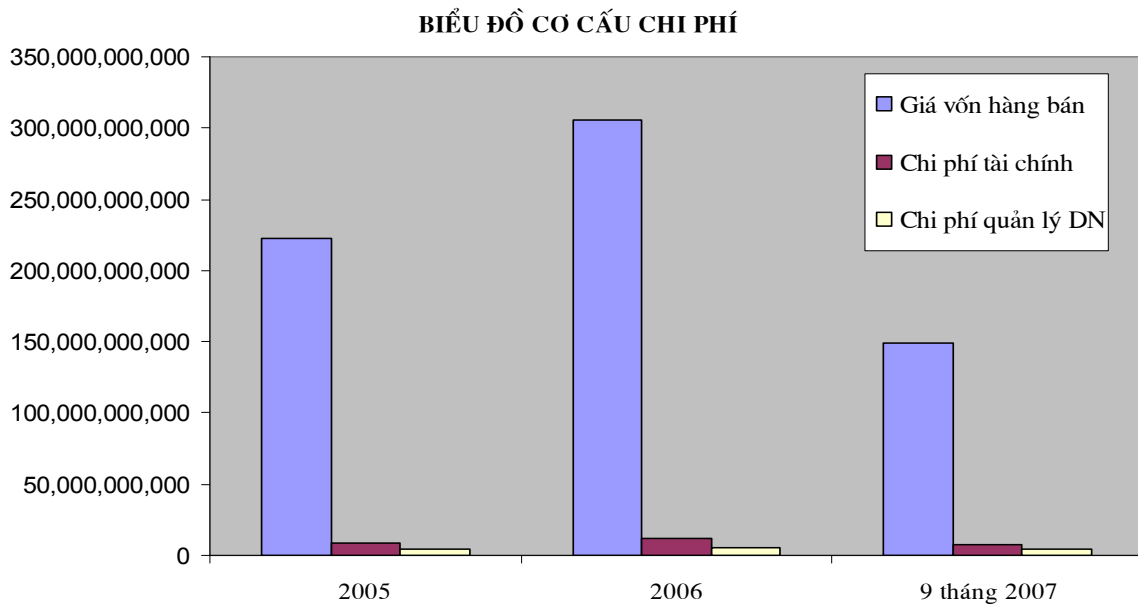
Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty:

(đơn vị tính: đồng)

Yếu tố chi phí	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng đầu năm 2007	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	% / DTT	Giá trị	%/DTT
	<i>(đồng)</i>	<i>(%)</i>	<i>(đồng)</i>	<i>(%)</i>	<i>(đồng)</i>	<i>(%)</i>
Giá vốn hàng bán	222.369.282.268	92.51%	305.710.838.305	94.72%	149.365.940.872	90.91%

Yếu tố chi phí	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng đầu năm 2007	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	% / DTT	Giá trị	%/DTT
	(đồng)	(%)	(đồng)	(%)	(đồng)	(%)
Chi phí tài chính	8.510.198.098	3.54%	11.475.793.146	3.56%	7.490.586.435	4.56%
Chi phí quản lý DN	4.365.687.923	1.82%	5.418.484.190	1.68%	4.208.624.287	2.56%
Tổng chi phí	235.245.168.289	97.87%	322.605.115.641	99.96%	161.065.151.594	98.03%

(Nguồn: Số liệu BCTCKiểm toán năm 2005, 2006 và Báo cáo quyết toán 9 tháng đầu năm 2007)



Chính sách kiểm soát chi phí của Công ty:

Trên cơ sở nguyên tắc “*đúng Pháp luật, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo thu nhập và lợi ích của CBCNV cũng như cổ đông trong doanh nghiệp*”, Công ty đã áp dụng một hệ thống Quản Lý Chất Lượng chặt chẽ, chi phí sản xuất luôn được kiểm soát, quy trình mua sắm nguyên vật liệu,

thiết bị thi công; quy trình tuyển dụng và đào tạo nhân sự; quy trình kiểm soát quá trình thi công v.v. đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

Nhằm đạt lợi thế cạnh tranh, Công ty tập trung vào việc giảm chi phí song song với việc nâng cao chất lượng với các biện pháp sau:

- ✚ Tiếp tục hoàn thiện, cải tiến, nâng cao hiệu quả các công nghệ đã có và nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, vật liệu xây dựng mới tiến bộ hơn qua các dự án có các nhà thiết kế, tư vấn, nhà thầu chính nước ngoài. Bằng cách này Công ty đã tiết kiệm rất lớn chi phí đào tạo nguồn nhân lực và có thêm một yếu tố tăng tính cạnh tranh.
- ✚ Cải tiến, hoàn thiện cơ chế trả lương, thưởng, đề bạt cho CBCNV dựa trên hiệu quả mang lại của mỗi cá nhân hoặc tập thể, đơn vị. Phương pháp của Công ty là sự kết hợp sáng tạo các hệ thống chính sách của Nhà Nước với những phương thức trả tiền lương tiên tiến trên thế giới. Mặc dù phương thức này đã đem đến năng suất cao nhất mà mọi người có thể làm được cho Công ty nhưng vẫn không ngừng cải tiến để ngày càng có sự công bằng và mang lại hiệu quả hơn, bảo đảm sự gắn bó lâu dài của CBCNV với Công ty.
- ✚ Tiếp tục chính sách tích cực đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nguồn nhân lực sẵn có hoặc giúp đỡ, hỗ trợ cho CBCNV tự đào tạo nâng cao kỹ năng, tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ; đối với các cấp trưởng là kiến thức về quản lý dự án hoặc về quản trị kinh doanh. Những hỗ trợ này bao gồm việc phổ biến thông tin, hướng dẫn, tư vấn về các khóa học, tài trợ học phí, giải quyết thời gian, địa bàn công tác phù hợp cho việc CBCNV theo các khóa học đó

6.4 Trình độ công nghệ

6.4.1. Máy móc thiết bị

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn trong hoạt động thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp của Công ty, Vinaconex 5 đã đầu tư thiết bị thi công xây lắp, các dây chuyền sản xuất, các thiết bị sản xuất tiên tiến. Chi tiết có thể kể đến một số máy móc thiết bị sau:

TT	Tên máy	Mã hiệu	Số lượng (chiếc)	Nước Sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng còn lại (%)	Hãng sản xuất
1	Ô tô bơm bê tông (36L-00.73)	MITSUBISHI	01	Nhật Bản	1994	50%	MITSUBISHI
2	Máy bơm bê tông cố định	THP	01	CHLB Đức	2007	100%	Waitzinger

TT	Tên máy	Mã hiệu	Số lượng (chiếc)	Nước Sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng còn lại (%)	Hãng sản xuất
3	Cần cẩu ô tô thủy lực bánh lốp 36M-2979	CHANG JIANG	01	Trung Quốc	2007	100%	Sichuan Chang jiang Engiering
4	Máy bốc xúc HYUNDAI HL35	W0220	01	Hàn Quốc	1996	60%	Hyundai
5	Máy xúc lật ZL 40B Gầu 2,2m3	ZL 40B	01	Trung Quốc	2007	100%	LiuGong
6	Cần cẩu tháp SCM- C5015	SCM – C5015	01	Trung Quốc	2004	80%	SCM – C5015
7	Cầu tháp K180 CJ 1315	K180	01	Đan Mạch	2002	80%	KROLL
8	Cầu tháp SCM 2,5-12 tấn	SCM	02	Trung Quốc	2007	100%	CHENDU
9	Máy đào HITACHI	EZ 20	01	Nhật Bản	2001	60%	HITACHI
10	Máy đào (xúc) bánh lốp	0,5 M 3	01	Đức	1992	80%	LIEBHERR
11	Thang máy NOV số 1030	NOV	01	Đức	1997	50%	NOV
12	Máy lu rung W70 số 8002033	W70	01	Tiệp Khắc	1998	50%	W70
13	Máy lu rung 8 tấn BOOMAG – 123AC	BOOMAG – 123AC	01	Đức	1997	50%	BOOMAG
14	Máy phát điện 125 KVA	125KWA	01	Hàn Quốc	2007	100%	VN
15	Máy phát điện Đielzel	PRAMAC	01	Tây Ban Nha	2007	100%	PRAMAC
16	Ô tô vận tải sơ mi rơ mooc MAZ-5429: 36L- 3030	MAZ-5429	01	Liên Xô	1989	40%	MAZ
17	Xe ô tô trộn chuyển bê tông FUSO 36L-4118	FUSO	01	Nhật Bản	2005	80%	FUSO

TT	Tên máy	Mã hiệu	Số lượng (chiếc)	Nước Sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng còn lại (%)	Hãng sản xuất
18	Xe ô tô trộn chuyển bê tông CI FA	CI FA	03	Italia	2005	80%	CIFA
19	Ô tô trộn chuyển bê tông KAMAZ	Kamaz	05	CHLB Nga	2007	100%	Kamaz
20	Máy toàn đạc	TC 305	01	Nhật Bản	2001	80%	NIKO
21	Bộ máy toàn đạc điện tử NIKON DTM	DTM -352	01	Nhật Bản	2007	100%	NIKO
22	Cốp pha trượt lõi nhà cao tầng		01	Pháp	2006	70%	
23	Trạm trộn bê tông 60m ³ /h		02	Đức	2007	100%	DSM

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 - Vinaconex 5)

Một số hình ảnh tiêu biểu về máy móc thiết bị của Công ty:



Cầu tháp SCM 6024



Ô tô trộn chuyển bê tông Kamaz



Dây chuyền sản xuất đá dăm



Dây chuyền trạm trộn bê tông DSM

6.4.2. Công nghệ thi công

Công ty đã áp dụng các công nghệ thi công tiên tiến trong lĩnh vực thi công xây lắp, sản xuất công nghiệp có thể kể đến như: công nghệ thi công cốt pha trượt, công nghệ thi công cốt pha leo, công nghệ gia công và lắp dựng kết cấu thép, công nghệ thi công kết cấu bê tông cốt thép toàn khối thông thường, công nghệ thi công Top - Down, công nghệ thi công, lắp ghép các cấu kiện đúc sẵn, công nghệ thi công cầu, công nghệ thi công sàn liên hợp thép – bê tông... và đã chứng tỏ khả năng qua rất nhiều các công trình mà Vinaconex 5 đã tham gia. Hiện nay, Vinaconex 5 đã nắm vững các công nghệ này trong hoạt động thi công xây lắp, sản xuất công nghiệp của mình.

Các công nghệ thi công tiêu biểu:

a) Công nghệ thi công cốt pha trượt

Phạm vi áp dụng

Phương pháp thi công cốt pha trượt là công nghệ thi công phù hợp với công nghiệp hóa và hiện đại hoá ở Việt nam hiện nay. Công nghệ thi công bằng cốt pha trượt thường được áp dụng với các hạng mục công trình có chiều cao lớn. Cốt pha trượt được sử dụng để làm khuôn đúc các công trình bằng bê tông cốt thép dựa vào nguyên tắc làm một đoạn cốt pha cho các kết cấu có tiết diện ngang không đổi hay biến đổi theo qui luật tuyến tính. Đó là các công trình ống khói, silô, nhà nhiều tầng bằng bê tông có kết cấu tường chịu lực, những loại kết cấu này sẽ được trượt theo phương thẳng đứng.

Nguyên tắc chung

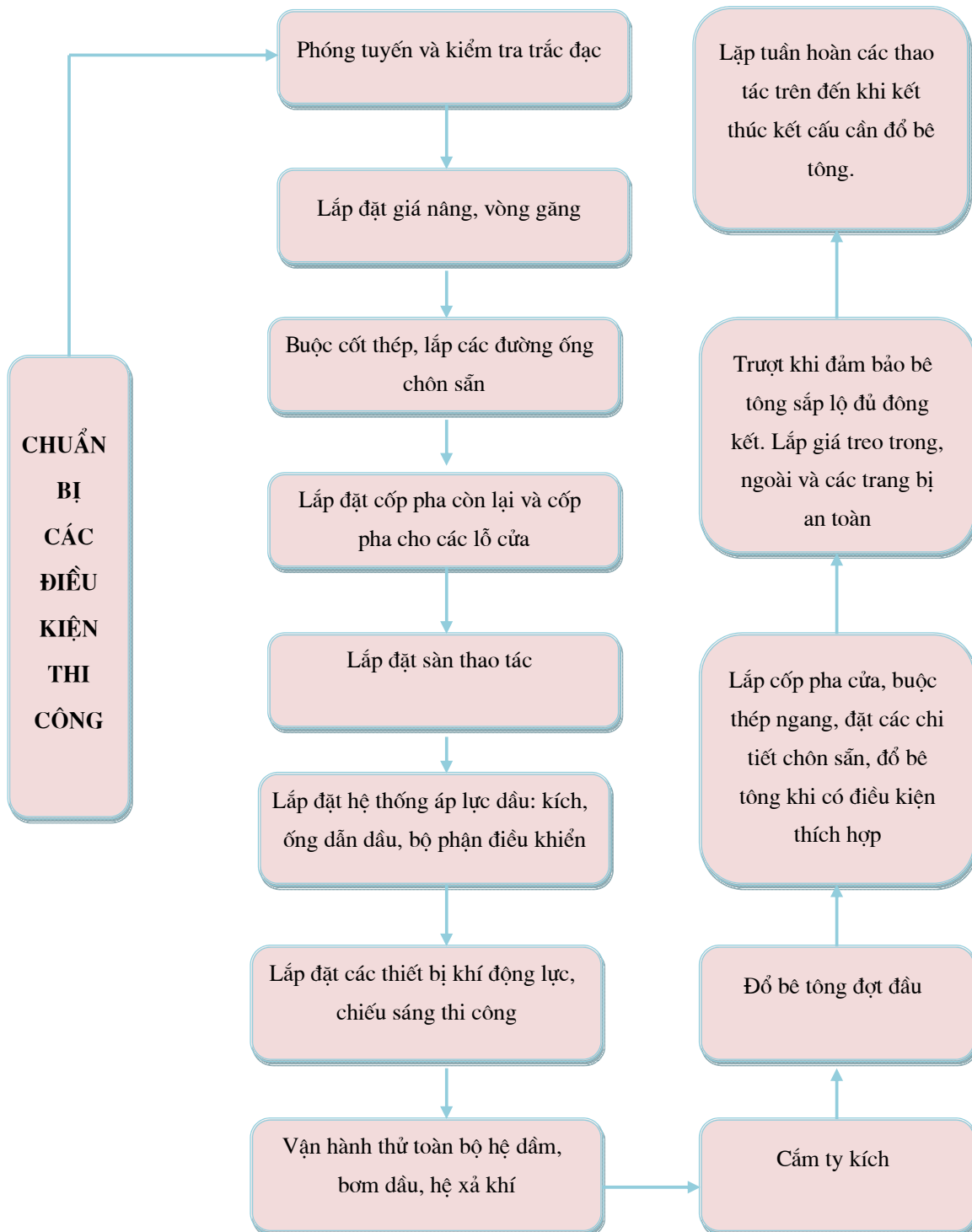
Tạo cốt pha cho một đoạn công trình; Đặt thép và đổ bê tông; Đổ bê tông cho kết cấu đảm bảo khi

bê tông đóng rắn đủ độ cứng cho cốp pha tháo khỏi ván bọc không bị bung, vỡ, thì trượt cốp pha lên đoạn trên làm cho công trình phát triển theo chiều cao.

Hệ cốp pha phải được tỳ lên vật tựa gọi là ty cho kích bám mà vật tựa ấy phải đảm bảo toàn bộ kết cấu của cốp pha trượt di chuyển không gây biến dạng ngoài ý muốn.

Hệ thống cốp pha bao gồm ván khuôn, vòng căng và giá nâng. Hệ thống sàn gồm sàn thao tác trong, sàn vươn ra ngoài và hệ giáo treo trong, ngoài. Tải trọng thi công trên sàn được tính tùy theo trang bị thi công để trên đó, vật liệu và người tiến hành các thao tác.

Công nghệ thi công cốp pha trượt điển hình theo trình tự sau đây:



 Ưu, nhược điểm

Ưu điểm:

- Đặc điểm công nghệ thi công bằng cốt pha trượt là mang tính công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Việc áp dụng công nghệ thi công này chủ yếu với các công trình có cao độ lớn, công nghệ đòi hỏi cao về kỹ thuật thi công cũng như chất lượng công trình. Đây là một trong những công nghệ thi công có tính chất tiên tiến nhất khi thi công nhà cao tầng hiện nay.
- Thời gian thi công liên tục, hệ thống sàn thao tác, hệ thống cốt pha được lắp dựng một lần trong quá trình thi công, không mất các khoảng thời gian chờ chuyển giai đoạn theo tính chất kỹ thuật xây dựng cơ bản.
- Chất lượng công trình được đảm bảo do tính liên tục của công nghệ và sự chính xác cao, đáp ứng tốt cho lắp đặt thiết bị, đồng thời với các biện pháp thi công khác việc xử lý các mạch ngừng rất phức tạp, việc xử lý không tốt sẽ ảnh hưởng tới chất khả năng chịu lực, khả năng chống thấm của kết cấu...
- Thời gian thi công nhanh và sử dụng tối đa các thiết bị đưa vào thi công (Tổ chuyên dụng, Cần trục tháp,...) tạo hiệu quả kinh tế cao.

Nhược điểm:

- Đây là một công nghệ thi công tiên tiến, sự kết hợp các công đoạn trong thi công phải chính xác, thiết bị thi công liên quan đến cơ khí, vận hành máy. Do đó cán bộ, công nhân phải có trình độ cao, làm việc phải chuyên nghiệp.
- Do tính chất công nghệ phải thi công liên tục (*không thể dừng trượt khoảng thời gian dài*), môi trường làm việc trên cao, và ngoài trời nên chịu sự tác động lớn của môi trường. Nên cần có sự điều phối các công việc linh hoạt để phù hợp với điều kiện thời tiết (Giữa ngày và đêm, trời nắng và mưa, nóng và lạnh đều tác động đến sự đông kết của bê tông).
- Mang tính chất công nghiệp hoá, hiện đại hoá nên công nghệ thi công cốt pha trượt đòi hỏi phải có sự trang bị thiết bị đồng bộ, đảm bảo cả về chất lượng cũng như số lượng để dự phòng.
- Trong quá trình tháo dỡ hệ thống sàn thao tác, kích thủy lực đều phải thực hiện trên cao và trong khoảng không gian chật hẹp nên rất nguy hiểm. Việc tháo dỡ phải được tính toán kỹ lưỡng từ trước. Đòi hỏi người thực hiện phải đảm bảo sức khỏe, có kinh nghiệm thi công.
- Việc áp dụng các công trình có cao độ lớn nên việc đảm bảo an toàn lao động rất phức

tạp, cẩn trọng. Việc bảo đảm an toàn lao động cho người lao động và bảo đảm các khoảng không gian dưới luôn được đặt lên hàng đầu.

b) Công nghệ thi công cốp pha leo

 Phạm vi áp dụng

Công nghệ thi công cốp pha leo được thực hiện dựa trên nguyên lý cốp pha được tổ hợp và leo trực tiếp vào phần thân kết cấu đã thi công trước. Công nghệ này được áp dụng cho các công trình khối lượng thi công lớn, thường có phương thẳng đứng, độ cao lớn như:

- Các hạng mục lõi, vách nhà cao tầng;
- Các tường bê tông cốt thép nhà dân dụng, nhà công nghiệp;
- Tường bê tông cốt thép các công trình thủy điện, thủy lợi.....

 Nguyên tắc chung

- Cốp pha leo dựa trên nguyên tắc tổ hợp từ các tấm cốp pha định hình theo hình dạng cấu kiện, kết hợp với các hệ xà giằng bằng thép hình.
- Toàn bộ tải trọng đứng của hỗn hợp bê tông, tải trọng theo phương đứng tác dụng lên hệ thống cốp pha leo được truyền toàn bộ xuống phần kết cấu đã thi công trước.
- Hệ thống cốp pha leo được tổ hợp thành dạng khung cứng, đủ khả năng chịu các tải trọng ngang tác dụng vào. Trong quá trình thiết kế biện pháp thi công phải tính toán hết được toàn bộ tải trọng tác dụng vào cốp pha tránh mất an toàn thi công, gây tổn hại tới công trình và tiến độ thi công. Các ty neo cốp pha vào cấu kiện bê tông thi công trước phải đảm bảo chịu được các tải trọng tác dụng.
- Công nghệ cốp pha leo được áp dụng với các công trình chiều cao lớn, mặt bằng thi công hạn chế (*hệ thống sàn thao tác*) nên nguyên tắc an toàn lao động được đặc biệt quan tâm. do đó cán bộ, công nhân phải có trình độ cao, làm việc phải chuyên nghiệp.

 Ưu, nhược điểm

Ưu điểm:

- Được áp dụng cho các công trình có chiều cao lớn, phân thành nhiều đợt thi công đôi khi các biện pháp thi công khác không thể sử dụng được (*tường bê tông cốt thép có chiều cao lớn...*). Đối với các công trình dạng này việc sử dụng cốp pha leo vào thi công được chia thành nhiều đợt. Tuy nhiên cốp pha được luôn chuyển liên tục từ các đợt thi công trước cho đợt thi công sau, tiết kiệm số lượng vật tư đưa vào thi công và công vận chuyển vật

tư từ bãi tập kết kên tới công trình.

- Nguyên lý cốp pha leo chỉ chịu tải trọng ngang tác dụng và một phần tải trọng đứng, hệ thống cốp pha được liên kết với nhau bằng thép hình và bằng ty thép liên kết với bê tông đã đủ cường độ. Do đó khi đã đảm bảo chịu tải không cần sử dụng các hệ thống cây chống mặt ngoài cốp pha (*Với biện pháp ghép cốp pha thông thường rất khó thực hiện khi thi công trên cao*).
- Cốp pha leo có thể được tính toán đảm bảo bố trí hệ thống sàn thao tác và lan can an toàn mà không cần lắp dựng dàn giáo thao tác.
- Khi sử dụng phụ gia đông kết cho hỗn hợp bê tông, việc thi công bằng công nghệ cốp pha leo sẽ rút ngắn được thời gian thi công rất nhiều so với các biện pháp khác.
- Áp dụng cốp pha leo Công ty có thể linh hoạt sử dụng các thiết bị thi công cho phù hợp với thời điểm thi công. Đổ bê tông kết cấu bằng bơm bê tông tự hành hoặc dùng cầu tháp. Vận chuyển vật tư, thiết bị, cốt thép bằng cầu tự hành hoặc bằng cầu tháp...

Nhược điểm:

- Thi công cốp pha leo gắn liền với tính chất thi công công trình phức tạp. Việc thi công trên cao trong không gian hạn chế gây khó khăn trong quá trình tháo dỡ và lắp dựng các đợt đổ bê tông mới, đặc biệt là vấn đề về an toàn lao động.
- Công nghệ cốp pha leo đòi hỏi phải có sự tính toán về chịu lực chính xác. Do tính chất chịu tải của biện pháp và đặc điểm thi công trên cao nên công việc này đòi hỏi có kinh nghiệm và chuyên môn cao.
- Sử dụng cốp pha leo để lại nhiều mạch ngừng thi công (*sau mỗi đợt đổ bê tông*). Việc xử lý các mạch ngừng gây tốn kém không nhỏ cho công trình. Với yêu cầu kỹ thuật xử lý các mạch ngừng đòi hỏi ở mức độ cao, nhằm đảm bảo được chất lượng công trình, khả năng chống thấm và phá hoại công trình của môi trường.
- Thi công bằng cốp pha leo vẫn chưa mang tính chất công nghiệp hoá, hiện đại hoá, các công việc vẫn phải thực hiện thủ công (*Có sự phục vụ của thiết bị*). Do đó thời gian thi công vẫn chưa rút ngắn được tối đa có thể (Không rút ngắn được so với thi công bằng công nghệ cốp pha trượt, dẫn phải có thời gian chờ theo kỹ thuật).

c) Công nghệ gia công và lắp dựng kết cấu thép

 **Phạm vi áp dụng**

Công nghệ gia công và lắp dựng kết cấu thép là công nghệ thi công rất quan trọng trong sự phát triển công nghiệp hoá và hiện đại hoá ở nước ta hiện nay. Công nghệ gia công và lắp dựng kết cấu thép thường được áp dụng với các hạng mục công trình có chiều cao lớn, nhịp thông thuỷ của công trình lớn, và chịu tải trọng lớn (Như nhà các loại nhà công nghiệp, các kho chứa, các nhà văn hoá, thể thao, các công trình cầu...)

 Nguyên tắc chung

- Kết cấu thép được gia công và lắp ráp theo bản vẽ kết cấu và bản vẽ chi tiết kết cấu;
- Khi gia công, lắp ráp dùng phương pháp cơ giới, phương pháp tổ hợp khối lớn phù hợp với biện pháp thi công và sơ đồ công nghệ;
- Trong quá trình gia công, lắp ráp tiến hành kiểm tra việc thực hiện các sơ đồ công nghệ và biện pháp thi công;
- Vật liệu dùng cho gia công và lắp ráp có chất lượng và số hiệu phù hợp với yêu cầu thiết kế;
- Xuất phát từ yêu cầu trên, thông qua việc nghiên cứu các tài liệu kỹ thuật yêu cầu của thiết kế, khảo sát và tìm hiểu hiện trường nhà thầu đưa ra các phương án, giải pháp để thực hiện nhiệm vụ thi công theo các nội dung sau đây:
 - + Nghiên cứu về công trình, hạng mục để thi công;
 - + Tổ chức mặt bằng thi công;
 - + Nguồn và các tiêu chuẩn vật tư, thiết bị;
 - + Biện pháp thi công tổng thể và chi tiết cho từng hạng mục;
 - + Biện pháp đảm bảo tốt nhất cho chất lượng công trình;
 - + Biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh, vệ sinh và phòng chống cháy nổ...
- Thiết kế biện pháp thi công và tổ chức thi công là khâu quan trọng nhất mà công ty quan tâm, chỉ có lời giải đáp bằng việc lựa chọn ra những biện pháp thi công cụ thể, phù hợp với năng lực thi công, trình độ quản lý và lao động kỹ thuật của mình thì mới có thể đảm bảo chắc chắn thoả mãn các điều kiện và yêu cầu đặt ra của Chủ đầu tư.

 Ưu, nhược điểm

Ưu điểm:

- Công nghệ gia công và lắp dựng kết cấu thép là công nghệ thi công rất quan trọng trong

sự phát triển công nghiệp hoá và hiện đại hoá ở nước ta hiện nay. Nguồn sản phẩm cung cấp được rộng rãi nhiều loại công trình.

- Có lực lượng CBCNV nhiều kinh nghiệm đã thi công nhiều công trình.
- Thiết bị thi công cho việc gia công chế tạo và lắp dựng kết cấu thép đã đầy đủ và đều được kiểm định hạn sử dụng.
- Nhà xưởng gia công đã có sẵn.

Nhu cầu điểm:

- Đây là một công nghệ thi công tiên tiến, sự kết hợp các công đoạn trong thi công phải chính xác, thiết bị thi công nhiều, hiện đại. Do đó cán bộ, công nhân phải có trình độ cao, làm việc phải chuyên nghiệp.
- Công nghệ gia công và lắp dựng kết cấu thép thì việc đảm bảo an toàn lao động rất phức tạp, cần trọng. Việc bảo đảm an toàn lao động cho người lao động và bảo đảm các khoảng không gian dưới luôn được đặt lên hàng đầu.

d) Công nghệ thi công kết cấu bê tông cốt thép toàn khối thông thường



Phạm vi áp dụng

Đây là công nghệ thi công kết cấu bê tông cốt thép thông thường, nên việc áp dụng của công nghệ này là đa phần cho các công trình xây dựng. Đối với các kết cấu bê tông cốt thép thông thường đều thi công qua các bước chính: Cốp pha; cốt thép; bê tông; hoàn thiện; bảo dưỡng...

Phạm vi áp dụng của công nghệ này là rất lớn, đa phần các hạng mục công trình xây dựng dân dụng và công trình công nghiệp.



Nguyên tắc chung

- Nguyên tắc chung của công nghệ thi công này được gắn liền với các tiêu chuẩn, các quy định hiện hành. Tùy thuộc vào đặc điểm từng công trình, theo quan điểm thiết kế để có nguyên tắc thi công công trình đó. Nhưng với bất kể một nguyên tắc nào trong thi công cũng để đạt được kết quả công trình đúng theo thiết kế. Sau đây là những nguyên tắc chung nhất trong thi công bê tông cốt thép toàn khối:
- Hạng mục công trình phải thỏa mãn đúng kích thước và vị trí thiết kế, đảm bảo chịu tải và công năng trong quá trình sử dụng công trình. Trong quá trình thi công phải được giám sát chặt chẽ về quan trắc công trình, về các vật tư chính của công trình (*Cốt thép, bê tông*).

- Nguyên tắc chung về cốt pha: Cốt pha phải đảm bảo chịu lực (*Nhất là với cốt pha đáy, cốt pha chịu lực*). Trong gia công chế tạo, cốt pha phải có kích thước chính xác. Trong lắp dựng cốt pha phải đảm bảo các tiêu chuẩn về sai lệch cho phép. Khi tổ hợp cốt pha phải kín khít để tránh hiện tượng mất nước làm giảm chất lượng bê tông. Kích thước tổ hợp phải đảm bảo theo thiết kế cấu kiện, không được vượt qua giá trị cho phép. Bề mặt tiếp giáp với bê tông phải được bôi trơn (bằng dầu hay hỗn hợp tương ứng), khi tháo dỡ được thuận tiện và đảm bảo bề mặt bê tông. Trong quá trình lắp dựng cốt pha đà giáo phải đảm bảo tính chịu lực, các biện pháp này phải được kiểm tra tính toán chi tiết theo sơ đồ chịu lực chính xác nhất. Trong quá trình gia công, lắp dựng cốt pha đà giáo phải chú trọng gia cố thành hệ siêu tĩnh, gia cố ngoài mặt phẳng làm việc của đà giáo bằng các hệ thống giằng ngang, giằng chéo.
- Nguyên tắc chung về cốt thép: Cốt thép phải đảm bảo về nguồn gốc, tính chất và kích thước của cốt thép phải đúng theo thiết kế (*sai số cho phép của đường kính là 2%*). Cốt thép phải thẳng khi chưa gia công, không được bầm bùn, bầm dầu mỡ, không có lớp gỉ hay vẩy sắt khi thi công lắp dựng tránh sự làm việc không đảm bảo với bê tông. Cốt thép phải được bảo quản trong kho có mái che và kê cách mặt đất >30cm. Cốt thép phải được gia công hoàn toàn bằng cơ học, không được gia công cốt thép bằng nhiệt làm giảm cường độ của thép. Cắt và uốn thép phải đảm bảo đúng theo kích thước, hình dáng thiết kế. Nguyên tắc hàn cốt thép, các mối hàn phải nhẵn, không đứt quãng và thu hẹp cục bộ, không có bọt. Tuyệt đối đảm bảo yêu cầu chiều cao và chiều dài đường hàn theo thiết kế. Công tác vận chuyển cốt thép đảm bảo không làm biến dạng và hư hỏng sản phẩm cốt thép. Các bộ phận lắp dựng cốt thép trước, không gây trở ngại cho các bộ phận lắp dựng sau. Có biện pháp ổn định vị trí cốt thép không để biến dạng trong quá trình đổ bê tông. Khi đặt cốt thép phải có cử nhàm đảm bảo lớp bảo vệ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và theo đúng vị trí quy định. Việc liên kết các thanh cốt thép khi lắp dựng được thực hiện như sau:
 - + Số lượng mối nối buộc hay hàn đỉnh không nhỏ hơn 50% số điểm giao nhau theo thứ tự xen kẽ;
 - + Trong mọi trường hợp, các góc của đai thép chịu lực được buộc toàn bộ;
 - + Chuyển vị của từng thanh thép khi chế tạo hoặc lắp dựng khung lưới cốt thép không được lớn hơn 1/5 đường kính của thanh lớn nhất là đường kính của bản thân thanh đó.

- Nguyên tắc chung về bê tông: Vật tư thi công phải đúng theo các tiêu chuẩn hiện hành, được sự đồng ý của chủ đầu tư và tư vấn giám sát. Hỗn hợp bê tông thương phẩm chủ yếu được trộn bằng trạm trộn, với bê tông trộn thủ công được xác định hàm lượng và trộn bằng máy trộn tại hiện trường. Xi măng, cát, đá dăm hoặc sỏi để chế tạo hỗn hợp bê tông được cân theo khối lượng. Nước đong theo thể tích. Sai số phải nằm trong sai số cho phép. Đổ và đầm bê tông: Không làm sai lệch vị trí cốt thép, vị trí cốp pha và chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép. Không dùng đầm dùi để dịch ngang bê tông trong cốp pha. Bê tông được đổ cho tới khi hoàn thành một kết cấu nào đó theo quy định của thiết kế. Để tránh sự phân tầng, chiều cao rơi tự do của hỗn hợp bê tông khi đổ không vượt quá 1.5m. Nếu phải đổ bê tông chiều cao rơi tự do lớn hơn 1,5m thì dùng máng nghiêng. Máng nghiêng phải kín nhẵn, đường kính của máng không nhỏ hơn 3-3,5 đường kính hạt cốt liệu lớn nhất. Độ dốc của máng đảm bảo để hỗn hợp bê tông không bị tắc, không trượt nhanh gây ra hiện tượng phân tầng. Đổ bê tông: Giám sát chặt chẽ hiện tượng cốp pha ã giáo và cốt thép trong quá trình thi công để xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra. Mức độ đổ đầy hỗn hợp bê tông vào cốp pha phù hợp với số liệu tính toán độ cứng chịu áp lực ngang của cốp pha do hỗn hợp bê tông mới đổ gây ra.
- Nguyên tắc về bảo dưỡng bê tông: Sau khi đổ bê tông kết cấu phải thực hiện bảo dưỡng theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật. Sau 4h phải thực hiện bảo dưỡng bê tông ngay. Công việc bảo dưỡng được thực hiện bằng việc tưới nước trực tiếp hoặc dùng bạt che phủ tránh mất bay hơi. Công việc bảo dưỡng được thực hiện tùy thuộc vào thời tiết và nhiệt độ môi trường.

 Ưu nhược điểm

Ưu điểm:

- Công nghệ thi công được thực hiện tuân tự các công việc: Cốp pha - Cốt thép - Bê tông nên trong quản lý và điều phối công việc được thực hiện đơn giản.
- Thi công Bê tông cốt thép toàn khối đảm bảo chất lượng công trình tốt do tính toàn khối của cấu kiện. Đối với các kết cấu lắp ghép, có nhiều mối nối chờ giữa cột, dầm, bản sàn... nên việc xử lý các liên kết này rất phức tạp, dễ ảnh hưởng đến tính chất chịu lực và khả năng chống thấm của công trình.
- Do tính chất thi công tuân tự các công việc nên việc quản lý chất lượng công trình được đảm bảo. Quá trình thi công Cốp pha có thể kiểm tra được kích thước kết cấu, vị trí toạ độ của kết cấu. Trong công việc thi công Cốt thép, Công ty kiểm tra được chất lượng cốt

thép, chủng loại và số lượng, kích thước theo đúng thiết kế. Công tác Bê tông kiểm soát được chất lượng Bê tông qua công tác đúc mẫu, kỹ thuật đổ và đầm bê tông cấu kiện.

Nhược điểm:

- Thi công bê tông cốt thép toàn khối thông thường phải thực hiện tuần tự theo các công việc Cốp pha - Cốt thép - Bê tông. Các công việc này phải có sự phụ thuộc vào công việc trước đó (*thời gian chờ kỹ thuật*) do đó không thể rút ngắn được thời gian thi công như biện pháp thi công lắp ghép. Chỉ có thể rút ngắn bớt thời gian thi công bằng biện pháp tăng cường nhân lực, tăng thiết bị thi và vật tư công, sử dụng phụ gia đông kết sớm cho bê tông.
- Thời gian thi công khi gặp các điều kiện ngoại cảnh (*môi trường*) sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công trình, tiến độ thi công công trình.

6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 đã áp dụng quy trình quản lý chất lượng chặt chẽ vào các lĩnh vực hoạt động của mình nhằm đảm bảo chặt chẽ các tiến độ công trình, đồng thời phải liên tục cải tiến hệ thống quản lý của mình để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của các đối tác. Để thực hiện mục tiêu trên, toàn thể CBCNV Công ty cam kết:

- ✚ Thường xuyên điều chỉnh các quá trình tác nghiệp để không ngừng nâng cao chất lượng công trình, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đồng thời cải tiến hệ thống quản lý chất lượng;
- ✚ Tận tâm, tận lực hoàn thành công trình đúng hạn, an toàn và bảo hành công trình tận tình, chu đáo;
- ✚ Liên tục đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường đầu tư trang thiết bị, song song với việc nghiên cứu ứng dụng các phương thức quản lý hiệu quả, công nghệ sản xuất hiện đại và kỹ thuật thi công tiên tiến.

6.6 Hoạt động Marketing

Marketing luôn là hoạt động quan trọng đối với mọi doanh nghiệp và đối với Vinaconex 5 cũng không là ngoại lệ. Thương hiệu Vinaconex 5 đã được xây dựng và phát triển qua gần 35 năm xây dựng và trưởng thành và hiện là một thương hiệu mạnh trong ngành xây dựng nói chung và trong Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam:

- ✚ Công ty đã và đang rất chú trọng tới uy tín của doanh nghiệp. Vì vậy, công tác quản lý trong thi công xây lắp, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiến độ thi công công trình được đặc biệt chú trọng nhằm tạo hiệu quả kinh tế cao. Qua đó, Công ty đã tạo được uy tín đối với khách

hàng và chủ đầu tư công trình;

- ✚ Công ty luôn khẳng định sức mạnh thật sự thông qua việc luôn hoàn thành và vượt mức kế hoạch đề ra, luôn đạt danh hiệu cao trong công tác thi đua của Tổng công ty, của chủ đầu tư về hoạt động sản xuất;
- ✚ Công ty đã rất chú trọng trong công tác mở rộng thị trường, đấu thầu thi công xây lắp nhiều loại công trình khác nhau, đa dạng trong xây lắp, nắm bắt kịp thời mọi biến động của thị trường. Qua đó, Công ty tiến hành phân tích, đánh giá và đưa ra những quyết sách hợp lý nhất, tăng cường công tác đối ngoại, đối thoại trực tiếp với đối tác để thuyết phục niềm tin của đối tác đối với đơn vị thi công;
- ✚ Trong quá trình phát triển đi lên của đơn vị, Công ty luôn quan tâm đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ thi công công trình có kinh nghiệm, có trình độ về quản lý, tổ chức thi công, kỹ thuật thi công, ham thích học hỏi và tâm huyết với nghề, thường xuyên tổ chức các khóa học, hội thảo chuyên đề về các lĩnh vực thi công, quản lý chất lượng công trình, an toàn lao động ... nhằm nâng cao kiến thức. Trước những công trình trọng điểm và đặc biệt, Công ty tổ chức hội thảo, góp ý để đề ra phương án, biện pháp tổ chức thi công hợp lý nhất, tối ưu nhất và đảm bảo hiệu quả kinh tế. Mặt khác công ty luôn luôn chú trọng việc áp dụng khoa học kỹ thuật mới, hiện đại vào trong điều hành, quản lý và thi công các công trình.
- ✚ Để tiếp tục xây dựng thương hiệu cho Vinaconex 5, Công ty tiến hành niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, sau đó là các hoạt động PR khác đang là kế hoạch đặt ra của Hội đồng quản trị Công ty:

**“ MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU CỦA CÔNG TY LÀ ĐẢM BẢO UY TÍN
TUYỆT ĐỐI ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG!”**

6.7 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty:



VINACONEX 5

Hiện nay, Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5 đang sử dụng logo của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam, bên dưới có hàng chữ “VINACONEX 5”.

6.8 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Trong nhiều năm hoạt động, Công ty đã tham gia nhiều dự án xây lắp có quy mô lớn trên địa bàn Hà nội. Những dự án Công ty tham gia đều đảm bảo tiến độ thực hiện và chất lượng công trình thi công, xây lắp. Nhờ vậy, tên tuổi của Vinaconex 5 đã tạo được dấu ấn đối với tất cả các khách hàng, bạn hàng.

Dưới đây là một số các dự án và hình ảnh các dự án Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5 đã và đang tham gia thực hiện:

Các hợp đồng lớn đã thực hiện:

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
1	Nhà Quốc hội nước CHDCND Lào (<i>CHDCND Lào</i>)	Chính phủ nước CHDCND Lào	N/A	1990 - 1991
2	Đại học Quốc gia CHDCND Lào (<i>CHDCND Lào</i>)	Chính phủ nước CHDCND Lào	N/A	2000 - 2001
3	Bệnh viện thủ đô Viêng Chăn (<i>CHDCND Lào</i>)	Chính phủ nước CHDCND Lào	N/A	1999 - 2000
4	Nhà 17 tầng khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính (<i>Hà Nội</i>)	Tổng công ty XNK &XD Việt Nam	33,637	2001 - 2003
5	Nhà 34 tầng khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính (<i>Hà Nội</i>)	Tổng công ty XNK &XD Việt Nam	91,500	2003 - 2007
6	Nhà máy cán thép nóng Phú Mỹ (<i>Bà Rịa – Vũng Tàu</i>)	Tổng công ty Thép Việt Nam	9,413	2004 - 2005
7	Trung tâm xúc tiến thương mại Thanh Hoá (<i>tỉnh Thanh Hóa</i>)	Tổng công ty XNK &XD Việt Nam	36,900	2003 - 2005

8	Trung tâm Hội nghị quốc gia và Hầm chui trung tâm Hội nghị quốc gia (<i>Hà Nội</i>)	Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam	77,010	2004 - 2005
9	Sân vận động quốc gia Mỹ Đình (<i>Hà Nội</i>)	Bộ Văn hóa-Thông tin	32	2001 - 2002
10	Cầu vượt Ngã Tư Sở (<i>Hà Nội</i>)	UBND thành phố Hà Nội	20	2005 - 2007

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 - Vinaconex 5)

Các hợp đồng lớn đang thực hiện

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Láng - Hoà Lạc (<i>Hà Nội</i>)	Bộ Giao thông - Vận tải	46	2006 - 2009
2	Cầu Thanh Trì: giai đoạn I và II (<i>Hà Nội</i>)	Bộ Giao thông - Vận tải	49	2003 - 2008
4	Công trình thủy điện- thủy lợi Cửa Đạt (<i>Thanh Hoá</i>)	Bộ Thủy lợi và các Tổng công ty : TCT Vinaconex, TCT Sông Đà, TCT xây dựng Thủy lợi 4, TCT cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	370	2005 - 2009
5	Dự án nước Sông Đà (<i>Hòa Bình</i>)	Tổng công ty XNK &XD Việt Nam	90	2006 - 2007
6	Nhà máy xi măng Cẩm Phả (<i>Quảng Ninh</i>)	Tổng công ty XNK &XD Việt Nam	206,207	2006 - 2007

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
7	Mở rộng và xây dựng dây chuyền mới nhà máy xi măng Bỉm Sơn (Thanh Hóa)	Tổng công ty xi măng Việt Nam	176	2007 - 2009
8	Mở rộng và xây dựng dây chuyền mới nhà máy xi măng Bút Sơn (Hà Nam)	Tổng công ty xi măng Việt Nam	85	2007 - 2009

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 - Vinaconex 5)

Một số hình ảnh tiêu biểu về các công trình đã và đang thi công:



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA LÀO



HẦM CHUI VÀ TRUNG TÂM HỘI NGHỊ QUỐC GIA



SÂN VẬN ĐỘNG QUỐC GIA MỸ ĐÌNH



TÒA NHÀ 17 VÀ 34 TẦNG KHU ĐÔ THỊ TRUNG HOÀ - NHÂN CHÍNH (HÀ NỘI)



CẦU THANH TRÌ (HÀ NỘI)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005, 2006 và 9 tháng đầu năm 2007

(đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006		9 tháng đầu năm 2007	
	Giá trị (đồng)	Giá trị (đồng)	% tăng giảm	Giá trị (đồng)	% so với kế hoạch năm 2007
Tổng giá trị tài sản	230.248.169.541	331.307.931.201	43,89	353.455.088.993	N/A
Doanh thu thuần ⁶ :	240.361.927.167	322.750.186.910	34,28	164.309.283.976	46,42
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.178.882.188	7.544.608.681	45,68	5.310.796.737	65,61
Lợi nhuận khác	262.930.254	174.640.099	-33,58	1.810.730.026	54,77
Lợi nhuận trước thuế ⁷	5.441.812.442	7.719.248.780	41,85	7.121.526.763	62,47
Lợi nhuận sau thuế ⁸	5.441.812.442	7.719.248.780	41,85	6.124.513.016	61,245
Tỷ lệ Lợi nhuận chi trả cổ tức	50,1%	35,37%	(14,73%)	N/A	N/A
Tỷ lệ cổ tức	13%	13%	0%	N/A	N/A

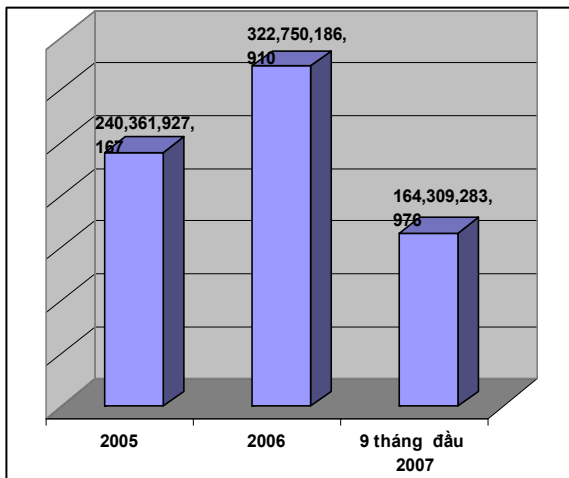
(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCQT 9 tháng đầu năm 2007 của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5)

⁶ Chi tiết về cơ cấu Doanh thu xem trong phần 6.1.2 Cơ cấu Doanh thu, lợi nhuận gộp

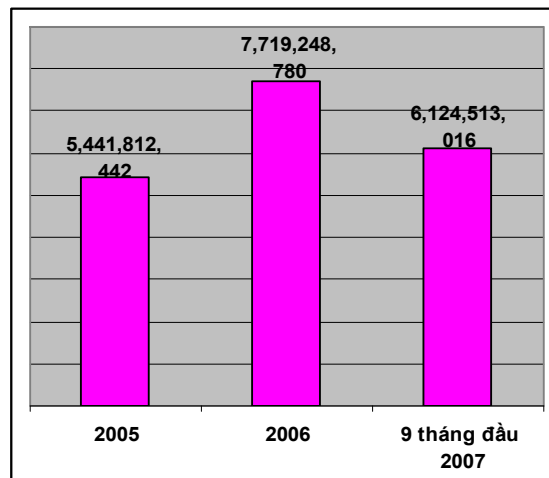
⁷ Chi tiết về cơ cấu lợi nhuận gộp xem trong phần 6.1.2 Cơ cấu Doanh thu, lợi nhuận gộp

⁸ CTCP Vinaconex 5 là DNNN được chuyển đổi thành CTCP nên được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo theo theo NĐ 187/2004/NĐ-CP và thông tư 128/2003/TT-BTC. Năm 2005 và năm 2006 Công ty được miễn thuế 100%, năm 2007 công ty được miễn thuế TNDN 50%.

Biểu đồ: Tăng trưởng Doanh thu



Biểu đồ: Tăng trưởng Lợi nhuận



Ghi chú:

■ Doanh thu (đồng)

■ Lợi nhuận (đồng)

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinaconex 5 trong những năm qua:



Thuận lợi:

- Trong thời gian qua, được sự tin nhiệm của Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5 đã được giao thực hiện các công trình trọng điểm như sân vận động quốc gia Mỹ Đình, Trung tâm hội nghị quốc gia, cầu Thanh Trì, cầu vượt Ngã Tư Sở, đường cao tốc Láng - Hòa Lạc đã tạo ra nguồn công việc ổn định cho Công ty trước mắt và lâu dài;
- Trong năm 2007, Công ty cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5 thực hiện tái cơ cấu tài chính thông qua việc tăng vốn từ 21 tỷ lên 50 tỷ đồng. Với số vốn tăng thêm, trong năm 2007, Công ty đã thực hiện bổ sung cho các dự án đang thực hiện, giảm bớt vốn vay Ngân hàng, giảm chi phí lãi vay phải trả. Đây là yếu tố tích cực làm tăng lợi nhuận cho công ty.
- Hệ thống máy móc thiết bị hiện đại đã được Công ty đầu tư trong giai đoạn 2000 - 2005 chủ yếu là của các nước phát triển chế tạo với công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại. Đây là lợi thế cho Công ty trong quá trình thi công, đảm bảo chất lượng cao và tiến độ thực hiện các công trình;
- Công tác tổ chức sản xuất kinh doanh đã đi vào ổn định, công tác điều hành quản lý linh hoạt, phù hợp với từng công trình, từng thời điểm; lực lượng kỹ sư, công nhân kỹ thuật bậc cao luôn đáp ứng đầy đủ, việc lập kế hoạch đã dân sát với thực tế giúp cho lãnh đạo công ty quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao;
- Sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh là nhân tố lớn giúp cho Công ty thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh.



Khó khăn:

- Một số công trình Chủ đầu tư triển khai thi công chậm, thay đổi thiết kế, điều kiện thi công khó khăn như dự án xây dựng Đường cao tốc Láng - Hòa Lạc đã làm ảnh hưởng đến giá trị sản lượng của Công ty;
- Giá cả vật tư, nhiên liệu trên thị trường biến động liên tục trong khi các chủ đầu tư chưa có cơ chế thanh toán cho các đơn vị thi công cũng là những yếu tố gây ảnh hưởng đến

lợi nhuận của Công ty trong năm;

- Các công trình thi công theo cơ chế chỉ định theo Quyết định số 70/04/CP-BCN nên một số công trình chưa có tổng dự toán duyệt, đơn giá và tỷ lệ thanh toán thấp đã ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Triển vọng phát triển của ngành:

- Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước: Với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 8,5 đến 9%⁹ như hiện nay, đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng của các ngành kinh tế nói chung trong đó có ngành Xây dựng cơ bản. Đặc biệt, với việc Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), lượng đầu tư nước ngoài đổ vào Việt Nam sẽ ngày càng gia tăng. Như vậy, trong những năm tới, nhu cầu xây dựng các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu đô thị cao cấp sẽ tăng lên đáng kể. Đây là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành xây dựng cơ bản nói chung.
- Nhu cầu của thị trường về các lĩnh vực sản phẩm mà Công ty đang cung cấp: Sản phẩm chính của Công ty là xây lắp vì vậy trong thời gian tới cùng với sự tăng trưởng và phát triển chung của nền kinh tế, dự kiến thị trường tiêu thụ các sản phẩm của Công ty cung cấp càng có điều kiện tăng trưởng.

Vị thế của công ty

Qua gần 35 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã thi công nhiều công trình lớn được Chủ đầu tư đánh giá hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo mỹ thuật, kỹ thuật với chất lượng cao, uy tín của Công ty ngày càng được củng cố và phát triển. Trong giai đoạn hiện nay và định hướng phát triển trong thời gian tới, Công ty không ngừng đổi mới, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- **Về khách hàng:** Vinaconex 5 đã trở thành đối tác tin cậy và tín nhiệm của các nhà thầu trong và ngoài nước như: tập đoàn Sumitomo (*cầu vượt Ngã Tư Sở*), tập đoàn Taisei (*cầu Thanh Trì*), nhà thầu HISG (*sân vận động quốc gia Mỹ Đình*)... Thực tế cho thấy Công ty đã và đang là công ty mạnh so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Sức cạnh tranh của công ty ngày càng nâng cao, thể hiện trên rất nhiều sản

⁹ Nguồn: tổng hợp từ các nguồn

phẩm và công trình mà công ty đã tham gia.

- **Về quản lý:** Cùng với kinh nghiệm thực tế được tích lũy qua các công trình lớn mà Công ty đã tham gia. Ngay từ thời kỳ đầu hoạt động, Vinaconex 5 đã tích cực nghiên cứu học hỏi nâng cao trình độ quản lý, áp dụng hệ thống quản lý khoa học có tính chuyên nghiệp cao. Trong đó có sự phân định trách nhiệm rõ ràng, đảm bảo hoạt động thông suốt từ trên xuống trong toàn Công ty.
- **Về nguồn nhân lực:** Vinaconex 5 là một công ty có ban lãnh đạo uy tín, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ, kinh nghiệm; Đội ngũ công nhân có tay nghề cao so với các công ty trong Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Đây là một trong những điểm mạnh tạo sự khác biệt của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

Bằng môi trường làm việc tốt và chế độ đãi ngộ nhân tài phù hợp, nhiều năm qua Vinaconex 5 không có hiện tượng chảy máu chất xám. Với nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm và tràn đầy nhiệt huyết, với một đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, đoàn kết, luôn phấn đấu vì sự phát triển của Công ty, Vinaconex 5 hoàn toàn có thể triển khai những chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện một cách thành công chiến lược phát triển do Công ty đặt ra trong thời kỳ này.

- **Về công nghệ:** Công ty đã áp dụng các công nghệ thi công tiên tiến trong lĩnh vực thi công xây lắp, sản xuất công nghiệp có thể kể đến như: công nghệ thi công cốt pha trượt, công nghệ thi công cốt pha leo, công nghệ gia công và lắp dựng kết cấu thép, công nghệ thi công kết cấu bê tông cốt thép toàn khối thông thường, công nghệ thi công Top - Down, công nghệ thi công, lắp ghép các cấu kiện đúc sẵn, công nghệ thi công cầu, công nghệ thi công sàn liên hợp thép - bê tông... và đã chứng tỏ khả năng qua rất nhiều các công trình mà Vinaconex 5 đã tham gia. Hiện nay, Vinaconex 5 đã áp dụng thuần thục các công nghệ này trong hoạt động thi công xây lắp, sản xuất công nghiệp của mình.
- **Về Văn hóa Doanh nghiệp:** Là một công ty có bề dày lịch sử, Vinaconex 5 đã xây dựng được một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, cạnh tranh lành mạnh. Trong đó mỗi cán bộ công nhân viên đều có cơ hội học hỏi, cống hiến sức lực của mình vì sự phát triển chung của toàn Công ty.



Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên Thế giới

Theo báo cáo triển vọng phát triển Châu Á 2007 (*Asian Development Outlook 2007*) do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) công bố thì ngành xây dựng sẽ trở nên sôi động hơn với mục tiêu gia tăng ngân sách cho cơ sở hạ tầng trong ngắn hạn từ 9% đến 11%.

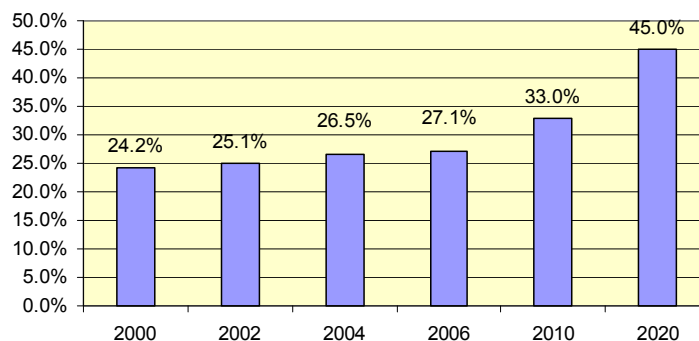
Theo số liệu của Bộ xây dựng, năm 2006 tổng giá trị sản xuất kinh doanh của ngành đạt 75.378 tỷ đồng, bằng 102,7% kế hoạch năm, tăng trưởng 20,4% so với năm 2005. Mức tăng trưởng này cũng cao gấp đôi mức tăng trưởng chung của khu vực công nghiệp và xây dựng cả nước. Các doanh nghiệp trong ngành đã triển khai đầu tư 568 dự án với khối lượng thực hiện là 20.982 tỷ đồng, đạt 91,7% kế hoạch đề ra và tăng 51,8% so với năm 2005.

Đây cũng là ngành đòi hỏi lưu lượng vốn lớn và dài hạn. Chu kỳ tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành xây dựng thu hút vốn đầu tư dài hạn. Tuy nhiên, nếu ở giai đoạn suy thoái, luồng vốn đầu tư sẽ dần rút khỏi lưu thông và các chủ thể của nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do việc ứ đọng vốn trong các dự án xây dựng dài hạn.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong mấy năm trở lại đây khá và ổn định (*năm 2004 là 7,7%, năm 2005 là 8,4% và năm 2006 là 8,2%*). Sự phát triển khá lạc quan của nền kinh tế cộng với mức sống ngày càng tăng cao của người dân đã nảy sinh nhu cầu tất yếu về việc cải thiện nơi ở và nơi làm việc. Theo quyết định phê duyệt định hướng phát triển nhà ở đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, diện tích nhà bình quân đầu người phải đạt mức 15m² sàn vào năm 2010 và 20m² sàn vào năm 2020, chất lượng nhà ở phải đạt tiêu chuẩn quốc gia. Quyết định trên cũng khuyến khích phát triển nhà ở trong căn hộ chung cư cao tầng để tăng nhanh quỹ nhà ở và tiết kiệm đất đai. Các biệt thự, chung cư và cao ốc văn phòng cao cấp đang mọc lên khắp nơi, thể hiện tiềm năng to lớn của ngành xây dựng và đầu tư bất động sản ở Việt Nam.

Đây cũng là lĩnh vực có mối quan hệ thuận chiều với tốc độ đô thị hóa của cả nước. Tính đến tháng 12/2006, dân số đô thị nước ta chiếm 27.1% tổng dân số toàn quốc. Tỷ lệ đô thị hóa hiện tại ở nước ta khoảng 28% và còn tiếp tục tăng trong những năm tới.

Biểu đồ: Tỷ lệ đô thị hóa (dân số đô thị/dân số cả nước) Việt Nam



(Nguồn: www.gso.gov.vn, - Phiên hợp toàn thể II: Phát triển đô thị ở Việt Nam, KTS Trần Ngọc Chính, Vụ trưởng Vụ Kiến trúc Quy hoạch Xây dựng, Bộ Xây dựng. Số liệu 2010 và 2020 là dự báo)

Hiện tại, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh nhà ở và khu đô thị. Đây là lĩnh vực kinh doanh có nhiều triển vọng trong những năm tới và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà nước.

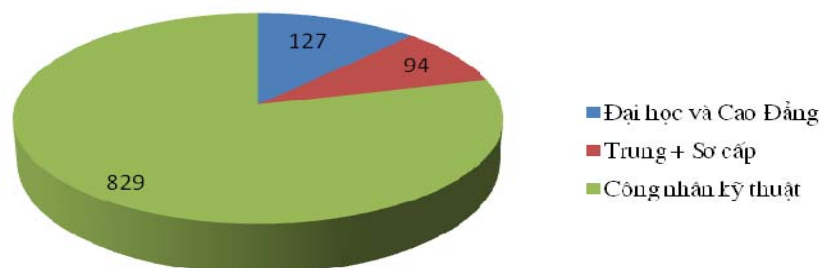
Trong năm tới, Vinaconex 5 định hướng tiếp tục tập trung vào hoạt động xây lắp. Với định hướng này, Công ty sẽ phát huy được mặt mạnh của mình là một Công ty có truyền thống trong lĩnh vực xây lắp với trang thiết bị thi công đồng bộ, tiên tiến. Đồng thời, đây cũng là hướng phát triển phù hợp với tình hình phát triển hiện nay của Đất nước cũng như triển vọng phát triển của ngành xây lắp nói chung.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

TT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và Cao Đẳng	127	12,1
2	Trung + Sơ cấp	94	8,95
3	Công nhân kỹ thuật	829	78.95
Tổng cộng		1050	100,0

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng Số 5)



Biểu đồ Cơ cấu lao động theo trình độ

Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng Luật Lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, và được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Công đoàn và các đoàn thể của Công ty thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua lao động sản xuất khen thưởng kịp thời, chăm lo đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi cho CBCNV trong Công ty.

9.2. Chính sách đào tạo

Với mục tiêu đào tạo đội ngũ CBCNV lành nghề, giỏi quản lý, hàng năm Công ty đều trích ra một nguồn kinh phí lớn dành cho công tác đào tạo tùy theo nhu cầu từng năm. Số tiền này sẽ dùng để hỗ trợ cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, tham quan học hỏi công nghệ mới ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn thi nâng bậc để nâng cao tay nghề cho người lao động...

10. Chính sách lương thưởng, trợ cấp

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày; 5,5 ngày/tuần.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Bộ luật lao động.
- Điều kiện làm việc: Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Đối với lực lượng lao động gián tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị làm việc hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Chính sách lương, thưởng:

Hệ thống lương của Công ty được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm, thâm niên và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty đã đạt mức 1.966.000 đồng/người/tháng. Trong đó, mức lương cao nhất là 7.890.000 đồng/người/tháng và mức lương thấp nhất là 1.400.000 đồng/người/tháng. Công ty áp dụng chính sách tiền lương theo năng suất và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương gồm 2 phần: lương công nhật và lương khoán. Tiền thưởng cũng được xác định trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của từng nhân viên.

Công ty cũng thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội & Bảo hiểm Y tế và trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định hiện hành của Luật Lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo các hợp đồng lao động.

11. Chính sách cổ tức

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn cổ phần (%)	Giá trị (đồng)
2005	13%	2.730.000.000
2006	13%	2.730.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng số 5 – Vinaconex 5)

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty: Hạch toán, phân phối lợi nhuận và lập quỹ. Theo đó, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và kiến nghị mức cổ tức được trả để trình ĐHĐCĐ quyết định.

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Cổ đông sẽ nhận cổ tức theo tỷ lệ phần vốn góp, thời gian trả cổ tức thông thường là 01 lần/năm.

Dự kiến trong năm 2007 và năm 2008, Công ty sẽ trả cổ tức với mức 13%/năm, trong các năm 2009, 2010 sẽ trả cổ tức 14%/năm và có thể cao hơn tùy theo sự tăng trưởng của Công ty.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Trích khấu hao Tài sản cố định:

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán Tài sản cố định hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 8

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	4

 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

 Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp theo qui định đã ban hành, cụ thể như sau:

- ***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty Cổ phần Vinaconex 5 áp dụng việc kê khai thuế GTGT theo hướng dẫn của Luật Thuế hiện hành với mức thuế suất GTGT 5% đối với những hợp đồng xây lắp ký kết trước ngày 31/12/2003, hợp đồng vận chuyển và 10% đối với các hợp đồng xây lắp ký kết từ ngày 01/01/2004.

- ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp***

Công ty cổ phần Xây dựng số 5 là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần nên được miễn 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo theo nghị định 187/2004/NĐ-CP và thông tư 128/2003/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính. Tuy nhiên, để được hưởng chính sách này, đơn vị phải có quyết định của Cơ quan thuế chủ quản.

Năm 2007 là năm thứ 3 Công ty kinh doanh có lãi kể từ thời điểm chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần nên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 50%.

- ***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác Doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

 Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 thực hiện trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do ĐHĐCĐ quyết định. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Mục đích việc trích lập Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

o Quỹ Đầu tư phát triển:

Dùng để bổ sung vào vốn kinh doanh của Nhà nước, để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới Công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của doanh nghiệp; góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo quy định hiện hành.

o Quỹ Dự phòng tài chính:

Dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản gây ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.

**Số dư các quỹ trong năm 2005, 2006, 9 tháng đầu năm 2007 của
Công ty cổ phần Xây dựng số 5**

(đơn vị tính: đồng)

Các quỹ	Số dư tại 31/12/2005	Số dư tại 31/12/2006	Số dư tại 30/09/2007
Quỹ dự phòng tài chính	119.195.895	119.195.895	401.981.807
Quỹ đầu tư phát triển	1.702.501.327	1.648.601.327	4.658.348.721
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	735.597.875	147.586.975	1.338.567.464

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng số 5 - Vinaconex)

 Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2006 tổng dư nợ vay của Công ty là: 110.804.149.000 đồng. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Trong đó:

- Vay và nợ ngắn hạn là: 105.777.432.000 đồng.
- Vay và nợ dài hạn là: 5.026.717.000 đồng.

Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Dư nợ tại 31/12/2005 VNĐ	Dư nợ tại 31/12/2006 VNĐ	Thời hạn	Lãi suất
A. Vay và nợ ngắn hạn	91.049.765.252	105.777.432.000	tháng	%/tháng
1. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bỉm Sơn	49.996.786.914	50.116.802.000		0.92%/tháng
2. Ngân hàng Công thương Bỉm Sơn	20.777.059.673	20.853.424.000		0.8%/tháng
3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội	3.218.944.956	19.812.100.000		0.97%/tháng
4. Ngân hàng liên doanh Lào - Việt	14.857.973.709	13.929.106.000		1.00%/ tháng
5. Vay khác (<i>vay các cá nhân khác</i>)	1.079.000.000	1.066.000.000		-
6. Vay dài hạn đến hạn trả	1.120.000.000	-		-
B. Vay và nợ dài hạn	2.399.011.950	5.026.717.000	năm	năm
1. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bỉm Sơn	2.399.011.950	-		10.68%/ năm
2. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bỉm Sơn	-	5.026.717.000		11.64%/năm

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng số 5)

- Trong năm 2006, công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

Tại thời điểm 30/9/2007, tổng mức dư nợ vay của Công ty là: 106.410.357.595 đồng. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Trong đó:

- Vay và nợ ngắn hạn là: 89.218.310.595 đồng;
- Vay và nợ dài hạn là: 17.192.047.000 đồng

Trong kỳ Công ty không có các khoản nợ quá hạn nào.

 Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo hóa đơn bán hàng xuất cho khách hàng. Các khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Bảng kê chi tiết các khoản phải thu của Công ty cổ phần Xây dựng Số 5

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/12/2005	Số dư tại 31/12/2006	Số dư tại 30/09/2007
1. Phải thu từ khách hàng	60.989.958.203	71.382.113.392	51.783.287.881
2. Trả trước cho người bán	10.370.466.967	11.833.154.549	23.103.451.924
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
4. Phải thu khác	1.422.027.864	926.595.443	17.012.526.314¹⁰
Trong đó:			
Phải thu về cổ phần hóa	108.220.000	107.720.000	-
Phải thu người lao động	6.847.638	195.582.240	-
Phải thu khác	1.306.960.226	623.293.203	17.012.526.314
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	68.800	-	2.339.142.485 ¹¹
Tổng cộng	72.782.521.834	84.141.863.384	94.238.408.604

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5)

¹⁰ Do trong năm 2007, Vinaconex 5 tiến hành tăng vốn từ 21 tỷ đồng lên 50 tỷ. Tuy nhiên, đến thời điểm 06/10/2007, Tổng Công ty Vinaconex mới hoàn tất thanh toán số tiền mua cổ phần trong đợt phát hành tăng vốn này do vậy khoản phải thu khác có sự tăng đột biến so với năm 2006.

¹¹ Tại thời điểm 30/09/2007, số dư Thuế và các khoản phải thu Nhà nước là 2.339.142.485 đồng, là do kết chuyển từ tài khoản 3331 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sang khoản mục các khoản phải thu. Chi tiết theo Thuyết minh quyết toán 9 tháng năm 2007 của Công ty cổ phần Xây dựng số 5.

Các khoản phải trả:

Các khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hóa đơn mua hàng của bên mua. Các khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Bảng kê chi tiết các khoản phải trả của Công ty cổ phần Xây dựng Số 5

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/2005	Số dư tại 31/12/2006	Số dư tại 30/09/2007
1. Phải trả cho người bán	47.621.374.220	67.131.927.307	42.456.131.276
Trong đó:			
- Phải trả người bán ngắn hạn:	47.621.374.220	67.131.927.307	42.456.131.276
- Phải trả người bán dài hạn:	-	-	-
2. Người mua trả tiền trước	41.913.595.511	100.459.095.402	120.260.104.489
3. Phải trả cho nhân viên	9.964.732.907	10.319.905.711	5.442.042.911
4. Thuế và các khoản phải nộp NN:	3.757.278.787	4.481.688.849	-
5. Chi phí phải trả	51.000.000	3.877.555.238	-
6. Phải trả các đơn vị nội bộ:	-	-	1.774.500.000
7. Phải trả, phải nộp khác:	9.476.935.750	2.710.466.900	2.874.998.150
Trong đó:			
- Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn:	9.296.935.750	2.530.466.900	2.694.998.150
- Phải trả, phải nộp khác dài hạn:	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Tổng cộng	112.784.917.175	188.980.639.407	172.807.776.826

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng Số 5 - Vinaconex 5)

12.2 Thuyết minh chênh lệch số cuối kỳ năm 2005 và đầu kỳ năm 2006 trên BCTC Kiểm toán:

Các khoản mục Tài sản:

Nội dung	Kiểm toán số cuối kỳ năm 2005 (đồng)	Kiểm toán số đầu kỳ năm 2006 (đồng)	Chênh lệch (đồng)
----------	--	---	----------------------

Nội dung	Kiểm toán số cuối kỳ năm 2005 (đồng)	Kiểm toán số đầu kỳ năm 2006 (đồng)	Chênh lệch (đồng)
Các khoản phải thu khác	1.346.430.174	1.422.027.864	75.597.690
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	68.800	68.800
Đầu tư dài hạn khác	35.000.000	42.900.000	7.900.000
Tổng cộng	1.381.430.174	1.464.996.664	83.566.490

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng số 5 – Vinaconex 5)

Các khoản mục Nguồn vốn:

Nội dung	Kiểm toán số cuối kỳ năm 2005 (đồng)	Kiểm toán số đầu kỳ năm 2006 (đồng)	Chênh lệch (đồng)
Phải trả người bán	47.766.524.349	47.621.374.220	(145.150.129)
Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước	3.725.871.509	3.757.278.787	31.407.278
Chi phí phải trả	508.180.067	51.000.000	(457.180.067)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.667.292.060	9.296.935.750	2.629.643.690
Phải trả dài hạn khác	-	180.000.000	180.000.000
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	457.180.067	457.180.067
Lợi nhuận chia phân phối	5.328.000.791	-	(5.328.000.791)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(158.371.345)	735.597.875	893.969.220
Quỹ dự phòng tài chính	-	119.195.895	119.195.895
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.702.501.327	1.702.501.327
Tổng cộng	63.837.497.431	63.921.063.921	83.566.490

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng số 5 – Vinaconex 5)

Giải trình:

Tổng các giá trị chênh lệch bên Tài sản là 83.566.490 đồng chi tiết trên các khoản mục như sau:

-  **Các khoản phải thu khác:** chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là 75.597.690 đồng. Nguyên nhân là do Kiểm toán năm 2005 bù trừ công nợ hai bên của Tài khoản 1388, kiểm toán 2006 thực hiện phân loại lại.
-  **Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước:** chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là 68.800 đồng. Nguyên nhân là do nộp thừa tiền thuế đất làm dư nợ TK 3337, do vậy Kiểm toán kết chuyển sang tài khoản 138 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
-  **Đầu tư dài hạn khác:** chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và cuối kỳ năm 2005 là 7.900.000 đồng là do trong các đợt mua Trái phiếu, Công ty thực hạch toán trên các tài khoản khác nhau, Kiểm toán thực hiện phân loại lại, dồn về một tài khoản 228 - Đầu tư dài hạn. Chi tiết gồm: Dồn trái phiếu giáo dục 5.000.000 đồng ở TK 3388 và trái phiếu Chính phủ đợt 2: 2.900.000 ở TK 1388 về TK 228.

Tổng các giá trị chênh lệch bên Nguồn vốn là 83.566.490 đồng chi tiết trên các khoản mục như sau:

-  **Phải trả người bán:** chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là (145.150.129) đồng là do sau khi có BCTC kiểm toán 2005, Cục thuế Thanh Hoá duyệt Quyết toán thuế năm 2005, Cục Thuế đã giảm giá vốn chuyển sang công nợ (*giảm nợ phải trả TK 331*) các công trình: Trường Lê Hồng Phong - Bỉm Sơn và TTGDTX huyện Nga Sơn
-  **Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước:** chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là 31.407.278 đồng là do sau khi có BCTC kiểm toán 2005, Cục thuế Thanh Hoá duyệt Quyết toán thuế năm 2005, Cục Thuế điều chỉnh thuế VAT đầu ra từ thuế suất 5% lên thuế suất 10%.
-  **Chi phí phải trả:** chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là (457.180.067) đồng, do Kiểm toán năm 2006 thực hiện phân loại lại tài khoản, chuyển quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm từ TK 3353 sang TK 315.
-  **Phải trả dài hạn khác:** chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là 180.000.000 đồng là do kiểm toán năm 2006 thực hiện phân loại lại tài khoản, chuyển số dư từ TK 3388 sang 344 - Ký Quỹ, Ký cược dài hạn.
-  **Các khoản phải trả phải nộp khác:** chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là

2.629.643.690 đồng là do sau khi có BCKT năm 2005, Công ty đã thực hiện trích tiền chia cổ tức cho cổ đông tuy nhiên đến Quý I năm 2006 Công ty mới thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2005 cho các cổ đông. Do đó số dư đầu kỳ năm 2006 của các khoản phải trả, phải nộp khác chênh lệch 2.629.643.690 đồng so với số cuối kỳ năm 2005.

✚ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là 457.180.067 đồng là do Kiểm toán thực hiện phân loại lại TK, chuyển từ TK 3353 sang TK 315 (như giải trình trong mục chi phí phải trả nêu trên).

✚ Lợi nhuận chưa phân phối: chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là (5.328.000.791) đồng, nguyên nhân là do sau khi có BCTC kiểm toán năm 2005, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận vào các quỹ và trích tiền chia cổ tức (như giải trình trong mục các khoản phải trả phải nộp khác nêu trên và các Quỹ phần sau).

✚ Quỹ Khen thưởng phúc lợi: chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là 893.969.220 đồng, nguyên nhân là do sau khi có BCTC kiểm toán Công ty tiến hành trích lập các Quỹ.

✚ Quỹ dự phòng tài chính: chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là 119.195.895 đồng nguyên nhân là do sau khi có BCTC kiểm toán Công ty tiến hành trích lập các Quỹ.

✚ Quỹ Đầu tư phát triển: chênh lệch số dư đầu kỳ 2006 và số cuối kỳ năm 2005 là 1.702.501.327 đồng nguyên nhân là do sau khi có BCTC kiểm toán Công ty tiến hành trích lập các Quỹ.

Giá trị chênh lệch giữa các khoản mục năm 2005 trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh - BCTC kiểm toán năm 2005 và các khoản mục tương ứng năm 2005 trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh – BCTC kiểm toán năm 2006

Các khoản mục trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

Nội dung	Số liệu năm 2005 trong BCTC 2005 (đồng)	Số liệu năm 2005 trong BCTC 2006 (đồng)	Chênh lệch (đồng)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	240.367.054.257	240.361.927.167	5.127.090
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	240.367.054.257	240.361.927.167	5.127.090
Giá vốn hàng bán	222.488.221.009	222.369.282.268	118.938.741

Nội dung	Số liệu năm 2005 trong BCTC 2005 (đồng)	Số liệu năm 2005 trong BCTC 2006 (đồng)	Chênh lệch (đồng)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.878.833.248	17.039.348.605	113.811.651
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.065.070.537	5.178.882.188	113.811.651
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.328.000.791	5.441.812.442	113.811.651

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng số 5 – Vinaconex 5)

✚ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: chênh lệch số liệu năm 2005 trong BCTC 2005 và số liệu năm 2005 trong BCTC 2006 là 5.127.090 đồng, nguyên nhân là do sau khi thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2005, Chi cục thuế tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện quyết toán thuế và điều chỉnh thuế suất thuế GTGT đầu ra của dịch vụ cho thuê tài sản từ 5+ % lên 10% tương ứng với số tiền là 5.127.090 đồng. Công ty đã phải điều chỉnh tăng ở khoản mục thuế GTGT đầu ra về dịch vụ cho thuê tài sản. Do vậy, số tiền được ghi nhận vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm tương ứng (5.127.090 đồng).

✚ Giá vốn hàng bán: chênh lệch số liệu năm 2005 trong BCTC 2005 và số liệu năm 2005 trong BCTC 2006 là 118.938.741 đồng, nguyên nhân là do sau khi thực hiện kiểm toán năm tài chính 2005, Cục thuế tỉnh Thanh Hóa đã duyệt:

- Giảm chi phí Công trình UBND huyện Nga Sơn 863.600 đồng.
- Giảm chi phí Công trình Trung tâm Giáo dục thường xuyên Bim Sơn 7.157.165 đồng.
- Giảm chi phí Công trình trường Lê Hồng Phong - Bim Sơn 7.157.165 đồng. Đồng thời với công trình này, đoàn thanh tra Xây dựng tỉnh Thanh Hóa duyệt giảm chi phí Công trình là 91.183.778 đồng.

Như vậy, Tổng số giảm chi phí là 118.938.741 đồng; điều này thể hiện tại giá vốn hàng bán như trên.

✚ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh; Lợi nhuận trước thuế: chênh lệch số liệu năm 2005 trong BCTC 2005 và số liệu năm 2005 trong BCTC 2006 là 113.811.651 đồng, nguyên nhân là do sau việc giảm giá vốn hàng bán 118.938.741 và giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 5.127.090 đồng như trên.

12.3 Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty trong hai năm 2005, 2006 và 09 tháng đầu năm 2007:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tổng tài sản ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn)	lần	1,05	1,064
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản LD - hàng TK)/ Tổng nợ ngắn hạn	lần	0,46	0,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ tổng quát (Tổng Nợ/ Tổng tài sản)	Lần	0,90	0,91
Hệ số cơ cấu Nguồn vốn (Tổng Nợ/ Vốn chủ sở hữu)	lần	9,06	9,86
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng TK bình quân)	vòng	2,02	2,19
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	vòng	1,04	0,97
Tỷ suất sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	2,26%	2,39%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,36%	2,33%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23,84%	25,32%
LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,15%	2,34%

Do đặc thù hoạt động của lĩnh vực xây lắp, thi công là thời gian thi công, xây lắp thường kéo dài nhiều năm và đòi hỏi vốn đầu tư lớn, liên tục. Đặc biệt là trong những năm đầu của dự án nên các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngoài việc sử dụng vốn tự có của Chủ sở hữu còn phải

huy động các nguồn tài trợ khác, chủ yếu là nợ vay Ngân hàng và tín dụng từ bạn hàng.

Xem xét các chỉ tiêu tài chính của Vinaconex 5 có thể nhận thấy:

- Trong cơ cấu vốn của Vinaconex 5, tỷ lệ Nợ/ Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng tương đối cao. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ trong thời gian vừa qua.
- Đối với tỷ suất sinh lời, Vinaconex 5 hiện đang duy trì được mức tỷ lệ tương đối ổn định trong năm 2005 và 2006. Trong năm 2007 Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 21 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Với số vốn huy động được, Công ty đang tiến hành thực hiện đầu tư mở rộng sản xuất, bổ sung vốn lưu động nhằm đem lại thu nhập cao cho Công ty trong thời gian tới.

So sánh với các doanh nghiệp trong cùng ngành khác, các chỉ tiêu của Vinaconex 5 tương đối ổn định. Trong những năm tới, sau khi Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên Trung Tâm Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội, việc có thêm một kênh huy động vốn mới hiệu quả với chi phí thấp sẽ đem lại cho Công ty nhiều cơ hội để đầu tư mới, nâng cao vị thế cũng như tăng khả năng tài chính cho Công ty.

13. Hội đồng quản trị. Ban giám đốc. Ban kiểm soát. Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: **Trần Duy Báu**

Giới tính: Nam

Số CMND: 013001945. Ngày cấp: 29/09/2007. Nơi cấp: Công an Tp. Hà Nội

Ngày, tháng, năm sinh: 21/02/1956

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: C23 ngõ 109, đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: (84-4) 784 8934

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 12/1974 - 09/1977: Đi bộ đội đoàn 559
- 10/1977 - 04/1983: Học trường Đại học xây dựng Hà Nội
- 05/1983 - 03/1987: Cán bộ kỹ thuật, phòng Kỹ thuật công ty Xây dựng số 5
- 04/1987 - 11/1995: Phó phòng Kỹ thuật công ty Xây dựng số 5
- 12/1995 - 03/1996: Đội trưởng xây dựng nhà máy xi măng Chín Phong Hải Phòng - Công ty Xây dựng số 5
- 04/1996 - 05/2004: Phó Giám đốc công ty xây dựng số 5
- 06/2004 - 03/2007: Giám đốc công ty cổ phần Xây dựng số 5. Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam
- 04/2007 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty cổ phần Xây dựng số 5 - Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 43.750 cổ phần tương đương 0.875% vốn điều lệ của Công ty.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 43.750 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

Em gái: Trần Thị Ngà nắm giữ 3.006 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: **Mai Văn Đình**

Giới tính: Nam

Số CMND: 170356637; Ngày cấp 19/03/2004; Nơi cấp: công an tỉnh Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 12/10/1954

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: xóm Cổ Đàm, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc (*Cơ quan*): 04.7848935

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Xây dựng

Quá trình công tác:

- 05/1972 - 08/1974: Công nhân xây dựng huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- 09/1974 - 09/1978: Học sinh trường Trung học Xây dựng số 3 - Bộ Xây dựng
- 10/1978 - 06/1984: Giáo viên trường Trung học Xây dựng số 3 - Bộ Xây dựng
- 07/1984 - 09/1986: Học sinh trường Đại học Xây dựng tại Cộng hòa dân chủ Đức
- 10/1986 - 02/1993: Giáo viên trường Kinh tế Xây dựng Bỉm Sơn - Thanh Hóa
- 02/1993 - 04/1994: Đội phó đội XL và TT nội thất - Công ty xây dựng số 5
- 05/1994 - 04/1997: Phó giám đốc xí nghiệp Xây lắp và trang trí nội thất - Công ty Xây dựng số 5
- 05/1997 - 08/2002: Đội trưởng đội xây dựng số 3 - Công ty Xây dựng số 5
- 09/2002 đến nay: Phó giám đốc Công ty Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Xây dựng số 5)

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc công ty cổ phần Xây dựng số 5

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 26.619 cổ phần tương đương với 0.57% vốn điều lệ Công ty.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 26.619 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: **Trần Thọ**

Giới tính: Nam

Số CMND: 171422980; Ngày cấp 10/7/2006; Nơi cấp: tỉnh Thanh Hóa.

Ngày tháng năm sinh: 01/11/1939

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Phổ Nhon, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Khu 6, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc (Cơ quan):

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp xây dựng

Quá trình công tác:

- 10/1954 - 10/1955: Chiến sỹ thanh niên xung phong
- 10/1955 - 11/1957: Công nhân mỏ thiếc Cao Bằng
- 12/1957 - 11/1959: Học trung cấp Kiến trúc trường Hà Đông
- 12/1959 - 06/1968: Cán bộ kỹ thuật công trình 139 Vĩnh Phúc
- 07/1968 - 03/1971: Thực tập sinh tại Cộng hòa dân chủ Đức
- 03/1971 - 02/1981: Chỉ huy trưởng công trình K3 Ninh Bình - Công ty Xây dựng số 5
- 03/1981 - 01/1989: Phó giám đốc Công ty Xây dựng số 5
- 02/1989 - 06/2004: Giám đốc Công ty Xây dựng số 5
- 10/2004 đến nay: ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 18.006 cổ phần tương đương với 0.36% vốn điều lệ Công ty.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 18.006 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

- Con Trần Thị Hồng Vân: 10.000 cổ phần
- Con Trần Kim Khuyên: 10.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: **Trần Đức Cung**

Giới tính: Nam

Số CMND: 012931167; Ngày cấp: 13/12/2006; Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Ngày tháng năm sinh: 20/02/1955

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Trục Cường, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: A 24/78 Trung Tiềm, Khâm Thiêm, quận Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc (Cơ quan): 04.7848935

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

- 1980 - 1983: Nhân viên phòng Kỹ thuật. Công ty 5 - Bộ Xây dựng
- 1983 - 1989: Trưởng phòng kỹ thuật Xí nghiệp 4. Công ty 5 - Bộ Xây dựng

- 1989 - 1995: Phó giám đốc Xí nghiệp 4 - Công ty Xây dựng số 5
- 1995 - 1998: Đội trưởng Xây dựng 10 - Công ty Xây dựng số 5
- 1998 - 1999: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây dựng số 5
- 1999 - 2007: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng số 5 kiêm thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng số 5

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số Cổ phần nắm giữ: 11.050 cổ phần tương đương với 0.221% vốn điều lệ Công ty.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 11.050 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: Dương Văn Trường

Giới tính: Nam

Số CMND: 010023466; Ngày cấp: 19/03/2002; Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội;

Ngày tháng năm sinh: 10/03/1949

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Mỹ Thuận. huyện Mỹ Lộc. tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 34 ngõ 7. Thái Hà tổ 8A phường Trung Liệt. quận Đống Đa. thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc (*Cơ quan*):

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 06/1961 - 10/197: Kế toán tại công ty Giao thông Vận tải Hòa Bình
- 11/1971 - 11/1979: Kế toán tại Xí nghiệp 104 - Công ty Xây dựng số 1 - Bộ Xây dựng
- 12/1979 - 06/1982: Trưởng phòng Kế toán - Xí nghiệp Xây dựng 104 - Công ty Xây dựng số 1 - Bộ Xây dựng
- 07/1982 - 06/1986: Kế toán trưởng Xí nghiệp Xây dựng 104 - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội.
- 07/1986 - 07/1989: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xây dựng số 2 - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội.
- 08/1989 - 02/1991: Hợp tác lao động tại Iraq - Công ty Xây dựng số 4 Iraq - Vinaconex
- 03/1991 - 02/1996: Kế toán tổng hợp - Tổng Công ty XNK và Xây dựng Việt Nam
- 1996 - 2005: Phó phòng Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
- 2005 đến nay: Trưởng phòng giám sát kinh tế - Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Trưởng phòng giám sát kinh tế - Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - VINACONEX 7
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX 3
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ giới. Lắp máy và Xây dựng - VIMECO
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex - VICOSTONE
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 - VINACONEX 1
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex - VINATRA
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 - VINACONEX 17

- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng số 10 - VINACONEX 10
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 - VINACONEX 12
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 - VINACONEX 45
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex - VINACONSULT
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và ứng dụng Công nghệ mới - R&D
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ đô thị Việt Nam - VINASINCO
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi-măng Vinaconex Lương Sơn - Hòa Bình
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần gạch đá Yên Bình
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần chế tác đá Yên Bình

Số cổ phần nắm giữ: 2.450.000 cổ phần tương đương với 49% vốn điều lệ Công ty

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 2.450.000 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

13.2. Ban Giám đốc

Giám đốc

Ông: **Trần Duy Báu** (như trên)

Phó Giám đốc

Ông: **Mai Văn Đình** (như trên)

Phó Giám đốc

Ông: **Trần Đức Cung** (như trên)

Phó Giám đốc

Ông: **Ngô Hải An**

Giới tính: Nam

Số CMND: 012012108; Ngày cấp: 11/03/2005; Nơi cấp: CA thành phố Hà nội

Ngày tháng năm sinh: 15/05/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Diễn Hoa. Diễn Châu. Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Số 39. ngách 1194/63 đường Láng. Láng Thượng. Đống Đa. Hà Nội

Số điện thoại liên lạc (Cơ quan): 04/7849731

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp

Quá trình công tác:

- 09/2000 - 10/2002: Chỉ huy trưởng công trình – Công ty Xây dựng số 5
- 10/2002 - 05- 2007: Đội trưởng thi công – Công ty Xây dựng số 5
- 5/2007 đến nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng số 5

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng số 5

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng số 5

Số Cổ phần nắm giữ: 6.159 cổ phần tương đương 0.12% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Trưởng ban Kiểm soát

Ông: **Vũ Văn Mạnh**

Giới tính: Nam

Số CMND: 012682568; Ngày cấp: 29/03/2007; Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Ngày tháng năm sinh: 06/11/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quang Trung, Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: P2, nhà 66, Bách Khoa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc (Cơ quan): 04.2249256

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/1995 - 12/2000: Chuyên viên liên hiệp khoa học sản xuất công nghệ cao, viễn thông, tin học.
- 12/2000 - 9/2003: Kế toán trưởng Công ty cổ phần phát triển công nghệ và tin học Ba Đình.
- 09/2003 - 01/2007: Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam.
- 01/2007 đến nay: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng 16 – VINACONEX 16
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vinaconex Đồng Tháp – VINACONEX 27.
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng - VINACONEX 34.
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực và Thương mại Việt Nam – VINAMEX.

- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt.
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Ngầm – VINAVICO.
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển đô thị Vinaconex – Hoàng Thành.
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng.

Số Cổ phần nắm giữ: 100.300 cổ phần tương đương với 2% Vốn điều lệ của Công ty.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 300 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 100.000 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông: **Trình Viết Kiệm**

Giới tính: Nam

Số CMND: 171198337; Ngày cấp: 01/03/2006; nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 06/12/1952

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: La Phú, Ninh Khang, Hoa Lư, Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc (Cơ quan): 04.7839731

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

- 1971 - 1975: Công nhân xây dựng

- 1975 - 1981: Sinh viên Đại học Xây dựng - Hệ dài hạn
- 1981 - 1983: Cán bộ Kỹ thuật xây dựng - Xí nghiệp xây dựng số 2 – Công ty xây dựng số 5
- 1983 - 1984: Đội trưởng công trình - Xí nghiệp xây dựng số 2 - Công ty xây dựng số 5
- 1984 - 1988: Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật - Xí nghiệp xây dựng số 5 - Công ty xây dựng số 5
- 1988 - 1995: Phó giám đốc xí nghiệp xây dựng số 5 - Công ty xây dựng số 5
- 1996 - 1998: Phó chỉ huy trưởng công trình Xi măng Bút Sơn - Công ty xây dựng số 5
- 1999 - 2002: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Xây dựng số 5
- 2002 đến nay: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Xây dựng số 5 nay là Công ty cổ phần Xây dựng số 5

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 6.000 cổ phần tương đương với 0.12% vốn điều lệ của Công ty.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 6.000 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông: **Lê Thanh Giêng**

Giới tính: Nam

Số CMND: 171103406; Ngày cấp: 17/06/2005; Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 09/02/1951

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Liêm Túc. Thanh Liêm. Hà Nam

Địa chỉ thường trú: phường Lam Sơn. thị xã Bỉm Sơn. tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc (*Cơ quan*):

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trình độ Kế toán cao cấp

Quá trình công tác:

- 1970 - 1971: Phó bí thư xã đoàn
- 1972 - 1974: Cán bộ Kế toán. Bí thư đoàn công ty Vật liệu Xây dựng số 6 - Bộ Xây dựng
- 1975 - 1978: Phó phòng Kế toán. Bí thư đoàn Xí nghiệp Vận tải
- 1979 - 1980: Phó bí thư đoàn CT5
- 1981 - 1982: Học trung cấp lý luận trường Hoàng Văn Thụ
- 1983 - 1986: Kế toán trưởng Xí nghiệp 5 Nam Định
- 1986 - 1987: Phó phòng tài chính CT5
- 1988 - 1995: Kế toán trưởng xí nghiệp 1
- 1995 - 1998: Kế toán trưởng công trường Xi măng Bút Sơn
- 1998 đến nay: Phó phòng tài chính Kế toán Công ty Xây dựng số 5

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó phòng tài chính Kế toán Công ty cổ phần xây dựng số 5.
thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số Cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần tương đương với 0.1% Vốn điều lệ của Công ty

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

13.3. Kế toán trưởng

Bà: **Lê Thị Thế**

Giới tính: Nữ

Số CMND: 171244029; Ngày cấp: 17/06/2005; Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1953

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thiệu Duy. Thiệu Hóa. Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Nhà số 9, ngõ 155, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc (Cơ quan): 04.7849731

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1971 - 1976: Nhân viên Kế toán công trường K3 Ninh Bình - công ty Xây dựng số 5 - Bộ Xây dựng.
- 1977 - 1987: Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng số 5 - Bộ Xây dựng
- 1988 - 06/1992: Phó Kế toán trưởng Công ty Xây dựng số 5 - Bộ Xây dựng
- 07/1992 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Xây dựng số 5 nay là Công ty cổ phần Xây dựng số 5

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số Cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần tương đương với 0.14% vốn điều lệ của Công ty

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14. Tài sản:¹²

Chỉ tiêu	31/12/2006			30/09/2007		
	Nguyên giá (1)	Giá trị còn lại (2)	Tỷ lệ còn lại (3)=(1)/(2)	Nguyên giá (1)	Giá trị còn lại (2)	Tỷ lệ còn lại (3)=(1)/(2)
Nhà cửa	10.902.553.928	7.977.533.898	73.17%	11.426.967.553	8.227.436.371	72.00%
Máy móc, thiết bị	16.508.929.884	2.409.248.487	14.59%	30.164.941.576	15.639.114.883	51.85%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.390.296.585	2.054.431.041	27.80%	12.959.092.738	7.188.010.564	55.47%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	267.255.049	61.590.033	23.05%	311.344.670	143.743.369	46.17%
Tài sản cố định khác	6.629.060.867	1.419.062.442	21.41%	7.130.032.182	1.905.271.902	26.72%
Tổng cộng	41.698.096.313	13.921.865.901	33.39%	61.992.378.719	33.103.577.089	53.40%

Trong đó:

Nhà cửa: Hiện nay, Công ty cổ phần Vinaconex 5 đang sở hữu:

- ✓ 648.64m² sàn tầng 2 tòa nhà 25 Tầng Vimeco (Giá gốc mua là 7.960.581.823 đồng). Địa chỉ: Lô E9 Đường Phạm Hùng, Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

¹² Chi tiết xem thuyết minh BCTC kiểm toán năm 2006 và quyết toán 09 tháng năm 2007

✓ Quyền sử dụng 43.300 m² đất trong 30 năm tại các địa điểm như sau:

-  Trụ sở 2 Tầng và xưởng gia công đồ mộc tại Phường Ngọc trạo. Tp. Thanh Hóa: 14.400 m²
-  Trụ sở Công ty tại 203 Trần phú - Bỉm sơn - Tp. Thanh Hóa: 6.200 m²
-  Kho để máy móc thiết bị của công ty tại Khu 11 phường Ba Đình. Tp. Thanh Hóa: 20.000 m²
-  Nhà ở cho CBCNV Công ty tại Lam Sơn. Tp. Thanh Hóa: 2.700 m²

15. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong thời gian tới

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009	
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	% tăng so Với năm '07	Tỷ đồng	% tăng so với năm '08
Vốn điều lệ	50	50	N/A	80	62,0%
Doanh thu thuần	354	389,4	10,0%	396	10,0%
Lợi nhuận trước thuế	12,4	13,6	9,7%	15,8	16,2%
Lợi nhuận sau thuế	10,6 ^(*)	11,7 ^(*)	10,4%	11,4	(2,6%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,0%	3,0%	0%	2,9%	(0,1%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	21,2%	23,4%	2,2%	14,3%	(9,1%)
Cổ tức	13%	14%	1%	14%	0%

**: CTCP Vinaconex 5 là DNNN được chuyển đổi thành CTCP nên được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo theo theo ND 187/2004/NĐ-CP và thông tư 128/2003/TT-BTC. Năm 2007 là năm thứ ba Công ty kinh doanh có lãi kể từ thời điểm chính thức chuyển đổi thành CTCP nên Công ty được miễn thuế TNDN 50%.*

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nêu trên được đưa ra trên cơ sở hoạch định chiến lược kinh doanh và dự án sắp tới của Công ty.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Theo kế hoạch, doanh thu và lợi nhuận trong các năm tới sẽ được ghi nhận từ các nguồn sau:

Trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các Công trình đã ký kết và triển khai thêm một số các dự án mới dự kiến sẽ mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, bao gồm:

- ✓ Nhà 34 tầng khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính (Hà Nội) - thời gian hoàn thành dự kiến: cuối năm 2007;
- ✓ Cầu vượt Ngã Tư Sở (Hà Nội) - thời gian hoàn thành dự kiến: cuối năm 2007;
- ✓ Dự án cải tạo, nâng cấp đường Láng - Hoà Lạc (Hà Nội) - thời gian hoàn thành dự

kiến: cuối năm 2009

- ✓ Cầu Thanh Trì: giai đoạn I và II (*Hà Nội*) - *thời gian hoàn thành dự kiến: cuối năm 2008*
- ✓ Công trình thủy điện- thủy lợi Cửa Đạt (*Thanh Hóa*) - *thời gian hoàn thành dự kiến: cuối năm 2009*
- ✓ Dự án nước Sông Đà (*Hòa Bình*) - *thời gian hoàn thành dự kiến: cuối năm 2007*
- ✓ Nhà máy xi măng Cẩm Phả (*Quảng Ninh*) - *thời gian hoàn thành dự kiến: cuối năm 2007*
- ✓ Mở rộng và xây dựng dây chuyền mới nhà máy xi măng Bỉm Sơn (*Thanh Hóa*) - *thời gian hoàn thành dự kiến: cuối năm 2009*
- ✓ Mở rộng và xây dựng dây chuyền mới nhà máy xi măng Bút Sơn (*Hà Nam*) - *thời gian hoàn thành dự kiến: cuối năm 2009*

✚ Ngoài ra, Công ty sẽ chú trọng mở rộng hơn nữa hoạt động sản xuất và kinh doanh gỗ phục vụ xây dựng nhằm cung cấp cho các Công trình do chính Công ty tham gia thực hiện. Nhờ đó việc tiêu thụ sản phẩm luôn được đảm bảo, đồng thời phát huy được tối đa công suất hoạt động của dây chuyền sản xuất.

Như vậy, với những căn cứ đã nêu trên, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào khả năng đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức đặt ra trong thời gian tới.

Trên cơ sở tình hình của phát triển chung của Ngành Xây dựng, Vinaconex 5 xác định mục tiêu phát triển, nhiệm vụ cụ thể trong kế hoạch những năm tới của Công ty như sau:

- Ưu tiên đầu tư phát triển các dịch vụ chuyên ngành là thế mạnh của Công ty trong lĩnh vực thi công, xây lắp.
- Đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực Công ty để làm chủ công nghệ mới.
- Từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế của Công ty trên thị trường.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Chúng tôi- Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS) đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5 cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh trong năm 2005, 2006 vừa qua, năng lực của Vinaconex 5 và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành và của nền kinh tế Việt Nam thời gian tới. KLS nhận thấy kế

hoạch sản xuất kinh doanh của Vinaconex 5 có tính khả thi nếu không có những biến động lớn hay rủi ro bất khả kháng ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Công ty đưa ra mức cổ tức bình quân trong ba năm tới là 14%. đây là mức cổ tức mà công ty có thể chi trả.

Chúng tôi lưu ý rằng những ý kiến nhận xét trên chỉ có tính chất tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

17. Thông tin liên quan về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký Niêm yết:

- Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Chứng khoán Niêm yết:

- không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết:

5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của Công ty:

4.1 Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam

🚩 **Số cổ phần sở hữu:** 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ Công ty cổ phần xây dựng số 5

🚩 **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông

🚩 **Mệnh giá:** 10.000 đồng/ cổ phần

🚩 **Đại diện sở hữu:**

- ✓ Ông **Dương Văn Trường** - Chức vụ: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần xây dựng số 5 - Vinaconex 5: **2.450.000** cổ phần

- ✓ Ông **Vũ Văn Mạnh** - Chức vụ: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng số 5 -
Vinaconex 5: **100.000** cổ phần

🚧 **Thời gian hạn chế chuyển nhượng:** Không xác định

4.2 Hạn chế chuyển nhượng đối với thành viên Hội đồng quản trị. Ban giám đốc. Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Điều 9. khoản d. Nghị định 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19/01/2007 có quy định: “**cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát. Ban giám đốc. và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo. không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.**”

Tại thời điểm ngày 07/11/2007. tổng số cổ phần thuộc sở hữu của Các thành viên Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát. Ban giám đốc là 123.884 cổ phần tương đương với 2.47% vốn điều lệ. Số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định nêu trên kể từ ngày cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5. Phương pháp tính giá: Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu của Công ty

🚧 **Tại thời điểm 31/12/2006**

Nguồn Vốn chủ sở hữu - nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ

30.487.046.002

= ----- = 14.518 đồng / CP

2.100.000 - 0

🚧 **Tại thời điểm 30/09/2007**

Nguồn Vốn chủ sở hữu - nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ

$$\frac{72.009.857.291}{5.000.000 - 0} = \text{-----} = 14.402 \text{ đồng / CP}$$

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên TTGDCK thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các Quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Theo Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% vốn điều lệ của Công ty. Hiện nay, Công ty có 01 cổ đông là thể nhân nước ngoài nắm giữ 101.000 cổ phiếu, tương đương 2.02% vốn điều lệ của Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan

Theo qui định trong Thông tư số 100/2004/TT-BTC “Hướng dẫn về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán”. ban hành ngày 20/10/2004, cổ tức thu từ cổ phiếu thuộc diện miễn thuế hoàn toàn đối với tất cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Thông tư số 100/2004/TT-BTC cũng quy định nhà đầu tư cá nhân không phải đóng thuế trên khoản chênh lệch giá khi bán cổ phiếu (tại mục III.4). Nhà đầu tư là tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu (tại mục III.2) như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng* 0.1%

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: Số 22 Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 7726136

Fax: (84-4) 7726868

Website: www.kls.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 18/UBCK - GPHĐKD ngày 6/10/2006 do UBCKNN cấp. Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bổ sung số 281/QĐ -UBCK ngày 27/04/2007 do UBCKNN cấp.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM - VAE

Trụ sở: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - số 165, đường Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 267 04 91 Fax: (84-4) 267 04 94

Email: vae_co@viettel.com.vn.

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1.** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh;
- Phụ lục 2.** Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5;
- Phụ lục 3.** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006 và Quyết toán 9 tháng đầu năm 2007;
- Phụ lục 4.** Biên bản kiểm toán vốn;
- Phụ lục 5.** Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị, ban Giám đốc, ban Kiểm soát, kế toán trưởng của Công ty;
- Phụ lục 6.** Danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5.
- Phụ lục 7.** Các tài liệu khác